



Xưởng Xẻ Gỗ Hộ Gia Đình Trong Bối Cảnh FLEGT-VPA

Đặng Việt Quang, Forest Trends

Quách Hồng Nhung, GIZ

Phạm Đức Thiêng, GIZ

Nguyễn Thanh Tùng, GIZ

Cao Thị Cẩm, VIFORES

Hà nội, tháng 9 năm 2013



Thực thi bởi **giz** Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

Lời cảm ơn

Báo cáo xường xẻ gỗ hộ gia đình trong bối cảnh FLEGT-VPA là kết quả nghiên cứu của tổ chức Forest Trends và Chương trình Lâm nghiệp Việt - Đức. Báo cáo được tổng hợp dựa trên kết quả điều tra thực địa tại Phú Thọ, Yên Bái, Quảng Bình và Kon Tum, trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 3 năm 2013.

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Chi Cục Lâm Nghiệp, Hạt Kiểm Lâm, Trạm Kiểm Lâm và UBND Huyện, Xã tại các địa bàn nghiên cứu thuộc tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Quảng Bình và Kon Tum. Đặc biệt xin chân thành cảm ơn các hộ gia đình, công ty và hợp tác xã đã cung cấp thông tin để báo cáo có những kết quả nghiên cứu phù hợp với tình hình thực tế. Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn ông Nguyễn Tôn Quyền, ông Tô Xuân Phúc và ông Heiko Wörner đã đóng góp ý kiến trong quá trình thực hiện nghiên cứu. Báo cáo được hoàn thiện với sự hỗ trợ về tài chính của Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD), Bộ Phát triển Quốc tế Vương Quốc Anh (DFID) và Chương trình Lâm nghiệp Việt - Đức. Quan điểm thể hiện trong báo cáo là quan điểm của nhóm tác giả, không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhà tài trợ và của các tổ chức nơi tác giả đang làm việc.

Mục lục

Tóm tắt.....	i
Từ viết tắt.....	iv
1. Giới thiệu đầu	1
2. Phương pháp và địa bàn nghiên cứu.....	2
2.1. Phú Thọ	3
2.2. Yên Bái.....	3
2.3. Quảng Bình	4
2.4. Kon Tum.....	5
2.5. Phân loại xưởng xẻ	5
3. Tổng quan ngành chế biến gỗ Việt Nam từ năm 2001	6
4. Các nhân tố trong chuỗi cung ứng qua xưởng xẻ	7
4.1. Chuỗi cung ứng và các nhân tố tham gia.....	7
4.2. Nguyên liệu, sản phẩm và khách hàng của xưởng xẻ	7
5. Quản lý và vận hành xưởng xẻ hộ gia đình.....	8
5.1. Quản lý và tổ chức sản xuất trong xưởng xẻ	8
5.2. Công nghệ và máy móc.....	9
5.3. Các bên liên quan	9
6. Các trường hợp nghiên cứu.....	13
6.1. Xưởng xẻ gỗ rừng trồng tại Phú Thọ và Yên Bái	13
6.2. Xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên	16
7. Tác động kinh tế, xã hội và môi trường	20
7.1. Tác động kinh tế.....	20
7.2. Tác động xã hội	21
7.3. Tác động đến tài nguyên môi trường	21
8. Ý nghĩa đối với FLEGT/VPA	22
8.1. Tính hợp pháp của xưởng xẻ hộ gia đình	22
8.2. Truy xuất nguồn gốc gỗ.....	23
8.3. Quy định môi trường trong xưởng xẻ.....	24
8.4. Sử dụng lao động và an toàn lao động	24
9. Kết luận và kiến nghị	24
Tài liệu tham khảo.....	25
Phụ lục.....	26

Tóm tắt

Từ năm 2001 đến nay, Việt Nam đã phát triển ngành chế biến gỗ và trở thành nước xuất khẩu đồ gỗ lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt khoảng 13,4%/năm (Huỳnh Văn Hạnh, 2012). Sản phẩm gỗ hiện là một trong 10 mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gồm có dăm gỗ, đồ gỗ nội thất và đồ gỗ ngoài trời.

Gỗ xẻ là sản phẩm trung gian giữa gỗ nguyên liệu thô và sản phẩm gỗ. Các xưởng xẻ tại Việt Nam đóng một vai trò quan trọng trong việc chuyển gỗ nguyên liệu từ dạng tròn sang dạng ván/hộp để cung cấp cho các cơ sở sản xuất trong nước. Trong thời gian gần đây, các xưởng xẻ đã xuất hiện ở nhiều địa phương như các tỉnh Yên Bái, Phú Thọ, nơi có lượng lớn gỗ nguyên liệu từ rừng trồng (chủ yếu là gỗ keo), một số tỉnh Bắc Trung Bộ (Quảng Bình) và Tây Nguyên (Đắk Lắk, Kon Tum) nơi hầu hết gỗ nguyên liệu được khai thác từ rừng tự nhiên trong nước hoặc nhập khẩu từ Lào. Cho đến nay, chưa có một báo cáo nào công bố chính xác số lượng, quy mô và hình thức hoạt động của các xưởng xẻ trên địa bàn các tỉnh. Nguồn cung ứng đầu vào, sản phẩm đầu ra và tác động của các xưởng xẻ đến kinh tế, xã hội và môi trường cũng chưa được nghiên cứu.

Hiện nay, Việt Nam đang tham gia đàm phán với Liên minh Châu Âu (EU) để ký kết hiệp định Đối Tác Tự Nguyên (VPA) theo chương trình Thực Thi Luật Lâm Nghiệp, Quản Trị Rừng và Thương Mại Gỗ (FLEGT). Hiệp định VPA sẽ ảnh hưởng như thế nào đến xưởng xẻ, đặc biệt là các xưởng xẻ quy mô nhỏ như xưởng xẻ hộ gia đình, là một câu hỏi chưa có lời giải đáp.

Để hiểu được sáng kiến này tác động thế nào đến các xưởng xẻ trong tương lai, nhóm nghiên cứu của tổ chức Forest Trends và Chương trình Lâm nghiệp Việt - Đức đã phối hợp với Hiệp Hội Gỗ và Lâm Sản Việt Nam (VIFORES) thực hiện nghiên cứu các xưởng xẻ hộ gia đình trong bối cảnh FLEGT/VPA, nghiên cứu được thực hiện nhằm trả lời những câu hỏi sau:

- Những thành phần nào tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm của xưởng xẻ gỗ?
- Các xưởng xẻ được quản lý, điều hành và vận hành như thế nào?
- Các xưởng xẻ hình thành đã tác động như thế nào đến kinh tế, xã hội và môi trường?
- Các xưởng xẻ sẽ như thế nào khi đặt trong bối cảnh hiệp định VPA được ký kết?
- Cần có giải pháp gì để các xưởng xẻ hộ gia đình đáp ứng được những yêu cầu mới trong hiệp định VPA?

Nghiên cứu thực địa được tiến hành tại Yên Bái, Phú Thọ, Quảng Bình, Kon Tum và Hà Nội trong khoảng thời gian cuối năm 2012 và đầu năm 2013. Nghiên cứu tập trung vào xưởng xẻ hộ gia đình với nguồn gốc gỗ nguyên liệu được cung ứng từ rừng trồng, rừng tự nhiên trong nước và nhập khẩu. Kết quả nghiên cứu cho thấy:

1) Những thành phần tham gia chuỗi cung ứng gỗ qua xưởng xẻ

Nguyên liệu gỗ trong các xưởng xẻ hộ gia đình được cung ứng từ ba nhóm: hộ trồng rừng, công ty lâm nghiệp và doanh nghiệp nhập khẩu. Gỗ từ các hộ trồng rừng thường được bán qua các cơ sở khai thác rồi mới đến xưởng xẻ, còn gỗ từ doanh nghiệp nhập khẩu và công ty lâm nghiệp thường được bán qua các công ty trung gian. Trường hợp gỗ được bán trực tiếp cho xưởng xẻ chỉ xảy ra khi xưởng xẻ nằm cùng địa bàn với nguồn cung ứng. Khách hàng của các xưởng xẻ hộ gia đình là các cơ sở chế biến, sản xuất ván ghép thanh, kệ kê hàng, gỗ xây dựng và đồ mộc gia dụng như: giường, tủ, bàn, ghế.

Các công ty lâm nghiệp và doanh nghiệp nhập khẩu cung cấp các loại gỗ như: hương, sao, trắc, dầu, sến, chò chỉ, cẩm, gõ, sồi, dẻ và kháo. Trong khi các hộ dân trồng rừng chỉ cung cấp keo, xoan, quế, bạch đàn đến các xưởng xẻ. Do vậy, sản phẩm của các xưởng xẻ gỗ rừng trồng cũng khác biệt so với sản phẩm của xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên. Các xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên thường chỉ xẻ thuê và bán gỗ cho các cơ sở chế biến, sản xuất gỗ xây dựng và mộc dân dụng trong khi hình thức sản xuất của các xưởng xẻ gỗ rừng trồng gồm có xẻ hộp, xẻ thanh và xẻ ván: xẻ thanh làm ván ghép thanh, kệ kê hàng; xẻ hộp làm cây chống, cốp pha, và xà gồ phục vụ ngành xây dựng, xẻ ván phục vụ các hộ sản xuất mộc dân dụng.

2) Quản lý, điều hành và vận hành xưởng xẻ

Các xưởng xẻ hộ gia đình được quản lý và điều hành dưới mô hình hộ gia đình, trong đó chủ hộ là người quản lý và điều hành các hoạt động trong xưởng. Các hoạt động như lập kế hoạch và giám sát được thực hiện rất đơn giản, chủ yếu do chủ xưởng tự tính toán và ghi chép trong sổ tay. Do vậy, quy trình truy nguyên nguồn gốc gỗ nguyên liệu không được thực hiện trong các xưởng xẻ hộ gia đình. Hiệu quả sản xuất cũng không được phân tích và đánh giá định kỳ. Về máy móc thiết bị, các xưởng xẻ hộ gia đình đều trang bị máy cưa tự lắp đặt hoặc sản xuất nội địa, có giá rẻ, sử dụng sức người là chính và không đảm bảo an toàn cho những người trực tiếp vận hành máy. Công nhân không được tập huấn về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Hợp đồng lao động giữa người lao động và chủ xưởng không được ký kết bằng văn bản. Công nhân trong xưởng không có bảo hiểm hiểm y tế, bảo hiểm thân thể và bảo hiểm xã hội. Do vậy, các xưởng xẻ hộ gia đình sẽ gặp nhiều khó khăn khi tuân thủ các quy định của nhà nước về nguồn gốc gỗ và an toàn lao động.

Về phía chính quyền, các xưởng xẻ hộ gia đình được các cơ quan nhà nước giám sát và quản lý theo ba cấp: cấp xã có Trạm Kiểm Lâm và UBND xã; cấp huyện có Hạt Kiểm Lâm; cấp tỉnh có Chi Cục Kiểm Lâm và Chi Cục Lâm Nghiệp thuộc Sở Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn. Ngoài ra, còn có các cơ quan liên quan khác như Chi Cục Thuế, Sở Kế Hoạch và Đầu Tư. Đối với gỗ nhập khẩu còn có Chi Cục Hải Quan Cửa Khẩu. Tuy nhiên, hiện tại việc giám sát hoạt động của các xưởng xẻ gỗ rừng trồng vẫn còn lỏng lẻo. Cơ quan kiểm lâm mới chỉ giám sát được nguồn gốc gỗ nguyên liệu đầu vào mà không giám sát sản phẩm đầu ra của xưởng xẻ.

3) Tác động của xưởng xẻ đến kinh tế, xã hội và môi trường

Về mặt kinh tế, các xưởng xẻ hình thành đã đóng góp một phần không nhỏ cho ngân sách xã thông qua thuế môn bài, lệ phí và thuế thu nhập, đồng thời cải thiện thu nhập cho các hộ gia đình thông qua việc trả công lao động trong xưởng. Kết quả nghiên cứu tại xã Tây Cốc, Đoan Hùng, Phú Thọ cho thấy, các xưởng xẻ đã đóng góp khoảng 10% phần gia tăng ngân sách trong giai đoạn 2000-2012 và tạo công ăn việc làm cho khoảng 10% số hộ gia đình trên địa bàn xã. Đối với vấn đề môi trường, các xưởng xẻ hộ gia đình đã tạo nên nhu cầu mua gỗ rừng trồng, khuyến khích các hộ gia đình có đất lâm nghiệp trồng rừng để tăng thu nhập cho hộ gia đình. Các hộ gia đình đã tích cực chuyển đổi sang trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng để phát triển nguồn nguyên liệu. Những ảnh hưởng này đã thúc đẩy quá trình phát triển rừng trồng trên địa bàn các tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc như: Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Bắc Cạn, Lào Cai và Tuyên Quang. Đối với rừng tự nhiên, xưởng xẻ đã trở thành công cụ để chuyển đổi gỗ rừng tự nhiên thành gỗ nguyên liệu sản xuất các sản phẩm mộc dân dụng, đáp ứng nhu cầu gỗ quý của thị trường Việt Nam và Trung Quốc.

Về mặt xã hội, đa số các xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên đều được quy hoạch xa khu dân cư nên không gây ô nhiễm bụi và ô nhiễm tiếng ồn. Tác động xã hội của các xưởng xẻ gỗ rừng trồng cũng không đáng kể, mặc dù một số xưởng nằm trong khu dân cư nhưng quy mô hoạt động nhỏ và phế liệu như mùn cưa, gỗ vụn được người dân thu mua làm nguyên liệu đốt lò hoặc bán cho các cơ sở sản xuất dăm hoặc bột giấy.

4) Xưởng xẻ hộ gia đình trong bối cảnh FLEGT/VPA

Hiện tại, chính phủ Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) đang trong quá trình đàm phán Hiệp định đối tác tự nguyện (VPA) trong khuôn khổ chương trình Tăng Cường Thực Thi Luật Lâm Nghiệp, Quản Trị Rừng và Thương Mại Gỗ (FLEGT). Hai trong các yếu tố quan trọng của Hiệp định là Định nghĩa về gỗ Hợp pháp (TLD) và Hệ thống Đảm bảo Tính hợp pháp của Gỗ (TLAS). Trong đó, định nghĩa gỗ hợp pháp được xây dựng dựa trên cơ sở pháp luật của Việt Nam kết hợp tham vấn các bên liên quan trong đó có các doanh nghiệp, cơ sở khai thác, chế biến, và cộng đồng địa phương. TLAS là hệ thống truy xuất nguồn gốc gỗ từ công đoạn khai thác, nhập khẩu, qua vận chuyển, chế biến, kinh doanh đến khi sản phẩm gỗ được bán ra thị trường. Vì định nghĩa gỗ hợp pháp cũng như hệ thống TLAS được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Việt Nam nên sau khi VPA được ký kết và có hiệu lực, định nghĩa gỗ hợp pháp và hệ thống TLAS sẽ được áp dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam đối với tất cả các cơ sở trồng rừng, khai thác rừng, nhập khẩu, vận chuyển, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu. Cho dù các xưởng xẻ gỗ hộ gia đình không trực tiếp tham gia vào chuỗi cung ứng các sản phẩm xuất khẩu sang châu Âu, nhưng các xưởng xẻ hộ gia đình cũng sẽ phải tuân thủ theo định

nghĩa gỗ hợp pháp và hệ thống TLAS. Hiện tại, theo dự thảo 6 về định nghĩa gỗ hợp pháp các xưởng xẻ chưa thể đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý vì một số lý do sau:

- Vì các xưởng xẻ hộ gia đình thông thường không có hóa đơn bán hàng nên sản phẩm đầu ra cung cấp cho các cơ sở chế biến khác không đủ giấy tờ hợp lệ.
- Các xưởng xẻ không ký hợp đồng với người lao động, hơn nữa không đảm bảo công tác an toàn lao động trong khi chưa tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy.
- Hầu hết các xưởng xẻ không có bản cam kết bảo vệ môi trường do UBND cấp.

Ngoài ra, các xưởng xẻ hộ gia đình không thực hiện quy trình truy nguyên nguồn gốc gỗ khi đưa gỗ vào xẻ. Sản phẩm đầu ra của xưởng xẻ sẽ không có nguồn gốc rõ ràng khi xưởng tiến hành xẻ nhiều lô gỗ có nguồn gốc khác nhau. Như vậy, chuỗi CoC khi áp dụng cho chuỗi cung ứng qua xưởng xẻ hộ gia đình sẽ bị đứt đoạn tại xưởng xẻ và sản phẩm cuối cùng sẽ không có nguồn gốc rõ ràng.

5) Giải pháp cho xưởng xẻ trong bối cảnh FLEGT/VPA

Như vậy, các xưởng xẻ hộ gia đình chưa thể đáp ứng được yêu cầu của dự thảo định nghĩa gỗ hợp pháp phục vụ hiệp định VPA trong khuôn khổ chương trình FLEGT. Để có thể đáp ứng được các yêu cầu mới về gỗ hợp pháp, trước tiên các xưởng xẻ hộ gia đình phải đăng ký hóa đơn thuế GTGT tại Huyện. Các xưởng có thể hợp tác thành nhóm để đăng ký dưới hình thức doanh nghiệp hoặc hợp tác xã để giảm bớt thủ tục hành chính.

Chủ xưởng và công nhân phải được tập huấn về các kỹ năng truy xuất nguồn gốc gỗ, tập huấn về an toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy.

Trước khi ký kết hiệp định VPA, các xưởng xẻ cần phải được thông báo, hướng dẫn và chuẩn bị để có thể tuân thủ các quy định trong định nghĩa gỗ hợp pháp và hệ thống TLAS.

Trạm Kiểm Lâm và UBND xã không chỉ xác nhận gỗ nguyên liệu đầu vào mà cần phải xác nhận nguồn gốc sản phẩm đầu ra tại các xưởng để các cơ sở chế biến khác có thể truy nguyên nguồn gốc nguyên liệu cho sản phẩm của mình. Cán bộ kiểm lâm nên phối hợp với UBND xã để xây dựng hệ thống giám sát sổ ghi chép khối lượng, chủng loại gỗ nhập vào và xuất ra tại các xưởng. Thông qua đó xác nhận gỗ nguyên liệu đầu vào và sản phẩm gỗ đầu ra tại các xưởng.

Ngoài ra, nghiên cứu còn đề xuất một số giải pháp sau để hỗ trợ xưởng xẻ:

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn kiểm tra tính hợp pháp của gỗ để nâng cao trách nhiệm xã hội và hỗ trợ các xưởng xẻ xác minh được hành trình của gỗ nguyên liệu. Những tài liệu này phải đơn giản, dễ hiểu và phù hợp với trình độ của chủ xưởng cũng như công nhân làm việc trong xưởng xẻ.
- Thành lập các nhóm hộ trồng rừng, nhóm hộ xưởng xẻ và nhóm hộ chế biến để có thể cấp chứng chỉ/chứng nhận theo nhóm.

Liên kết các hộ trồng rừng, xưởng xẻ hộ gia đình với những công ty chế biến quy mô lớn, để xây dựng chuỗi hành trình liên tục đáp ứng tiêu chuẩn FSC, giúp các bên liên quan trong chuỗi cung ứng thực hiện tốt trách nhiệm giải trình. Những công ty chế biến sẽ đóng vai trò như quản lý, hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong quá trình cấp chứng chỉ cho các nhóm hộ và nhóm xưởng xẻ.

Từ viết tắt

BQLR	Ban Quản Lý Rừng
CoC	Chuỗi hành trình để truy nguyên nguồn gốc gỗ
DFID	Bộ Phát triển Quốc tế Vương Quốc Anh (Department for International Development)
EU	Liên minh Châu Âu
FDI	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
FSC	Chứng chỉ quản lý rừng bền vững
GIZ	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức
GTGT	Giá trị gia tăng
FLEGT	Chương trình tăng cường thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại gỗ
HTX	Hợp Tác Xã
KH&ĐT	Kế Hoạch và Đầu Tư
NN&PTNT	Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn
NORAD	Cơ quan hợp tác phát triển Na-uy
TNHH	Trách Nhiệm Hữu Hạn
TLAS	Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ
TLD	Định nghĩa gỗ hợp pháp
UBND	Ủy Ban Nhân Dân
VIFORES	Hiệp Hội Gỗ và Lâm Sản Việt Nam
VPA	Hiệp định đối tác tự nguyện

1. Giới thiệu đầu

Trong ngành chế biến gỗ, xưởng xẻ có vị trí rất quan trọng, là nơi sơ chế để cung cấp cho các cơ sở sản xuất (như cơ sở sản xuất đồ gỗ nội thất, sản xuất ván các loại). Song song với quá trình phát triển của ngành chế biến gỗ Việt Nam, các xưởng xẻ gỗ quy mô hộ gia đình đã hình thành và đang nhanh chóng phát triển ở nhiều địa phương như Hà Tĩnh (300 xưởng)¹, Quảng Nam (717 xưởng)², Quảng Bình (384 cơ sở)³ Yên Bái (230 xưởng) và Phú Thọ (400 xưởng). Ngoài ra, còn nhiều xưởng xẻ chưa được thống kê xuất hiện tại các địa phương như: Quảng Bình, Kon Tum, Đắk Lắk, Nghệ An.

Một số xưởng xẻ sử dụng gỗ nhập khẩu để cung cấp nguyên liệu cho thị trường nội địa, và một lượng nhỏ được xuất khẩu ra nước ngoài. Một số xưởng xẻ có mối liên hệ với thị trường quốc tế thông qua các công ty xuất khẩu và sản xuất đồ gỗ nội/ngoại thất hoặc trực tiếp cung cấp gỗ nguyên liệu cho thị trường này. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có một nghiên cứu nào tìm hiểu về vai trò của các xưởng xẻ đối với ngành chế biến gỗ trong nước cũng như thị trường xuất khẩu, trong khi gỗ xẻ là một trong 6 nhóm sản phẩm của ngành chế biến gỗ và đóng vai trò là sản phẩm trung gian giữa gỗ nguyên liệu thô và sản phẩm gỗ (Nguyễn Tôn Quyền et al., 2006).

Việt Nam hiện đang thực hiện hai sáng kiến FLEGT (Tăng cường thực thi Luật Lâm Nghiệp, quản trị rừng và Thương mại gỗ). Sáng kiến này nhằm ngăn chặn việc khai thác rừng trái phép để giải quyết tình trạng mất rừng và suy thoái rừng. Xác định trước những ảnh hưởng và mối liên hệ giữa các xưởng xẻ với FLEGT là một công việc quan trọng để đưa ra các cơ chế giảm thiểu tác động tiêu cực của sáng kiến này đến xưởng xẻ.

Việc nghiên cứu tìm hiểu các xưởng xẻ tại Việt Nam sẽ cung cấp thêm những thông tin cụ thể để góp phần xây dựng bức tranh tổng thể của thị trường thương mại gỗ trong nước và cung cấp thông tin cho thị trường xuất khẩu.

Mục tiêu tổng quan của nghiên cứu là tìm hiểu vai trò của các xưởng xẻ gỗ trong chuỗi cung ứng của thị trường thương mại sản phẩm gỗ trong nước và xuất khẩu. Cụ thể nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi sau:

- Những thành phần nào tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm của xưởng xẻ gỗ?
- Các xưởng xẻ được quản lý, điều hành và vận hành như thế nào?
- Các xưởng xẻ hình thành đã tác động như thế nào đến kinh tế, xã hội và môi trường?
- Các xưởng xẻ sẽ như thế nào khi đặt trong bối cảnh hiệp định VPA được ký kết?
- Cần có giải pháp gì để các xưởng xẻ hộ gia đình đáp ứng được những yêu cầu mới trong hiệp định VPA?

Báo cáo bao gồm 8 phần. Sau phần giới thiệu đầu (Phần 1) là phần mô tả phương pháp thu thập số liệu, địa bàn nghiên cứu và giải thích lý do để báo cáo tập trung vào ba loại xưởng xẻ phân theo nguồn nguyên liệu (gỗ rừng trồng, gỗ rừng tự nhiên trong nước và nhập khẩu) (Phần 2). Phần 3 trình bày tổng quan ngành chế biến gỗ Việt Nam. Phần 4 mô tả chuỗi cung ứng sản phẩm gỗ xẻ trong đó có nguồn nguyên liệu, thị trường đầu ra và các nhân tố tham gia trực tiếp trong chuỗi cung ứng. Phần 5 phân tích các yếu tố quản lý, điều hành và vận hành xưởng xẻ. Phần 6 giới thiệu các nghiên cứu tại Yên Bái, Phú Thọ, Quảng Bình và Kon Tum. Phần 7 đánh giá tác động của xưởng xẻ đến môi trường, kinh tế và xã hội. Phần 8 thảo luận ý nghĩa của nghiên cứu đối với FLEGT/VPA. Phần 9 kết luận và đề xuất các giải pháp để xưởng xẻ có thể đáp ứng được những yêu cầu mới trên thị trường quốc tế.

¹ <http://m.vovgiaothong.vn/xa-hoi/2013/02/ha-tinh-thao-do-hang-loat-xuong-cua-xe-go-trai-phep/>

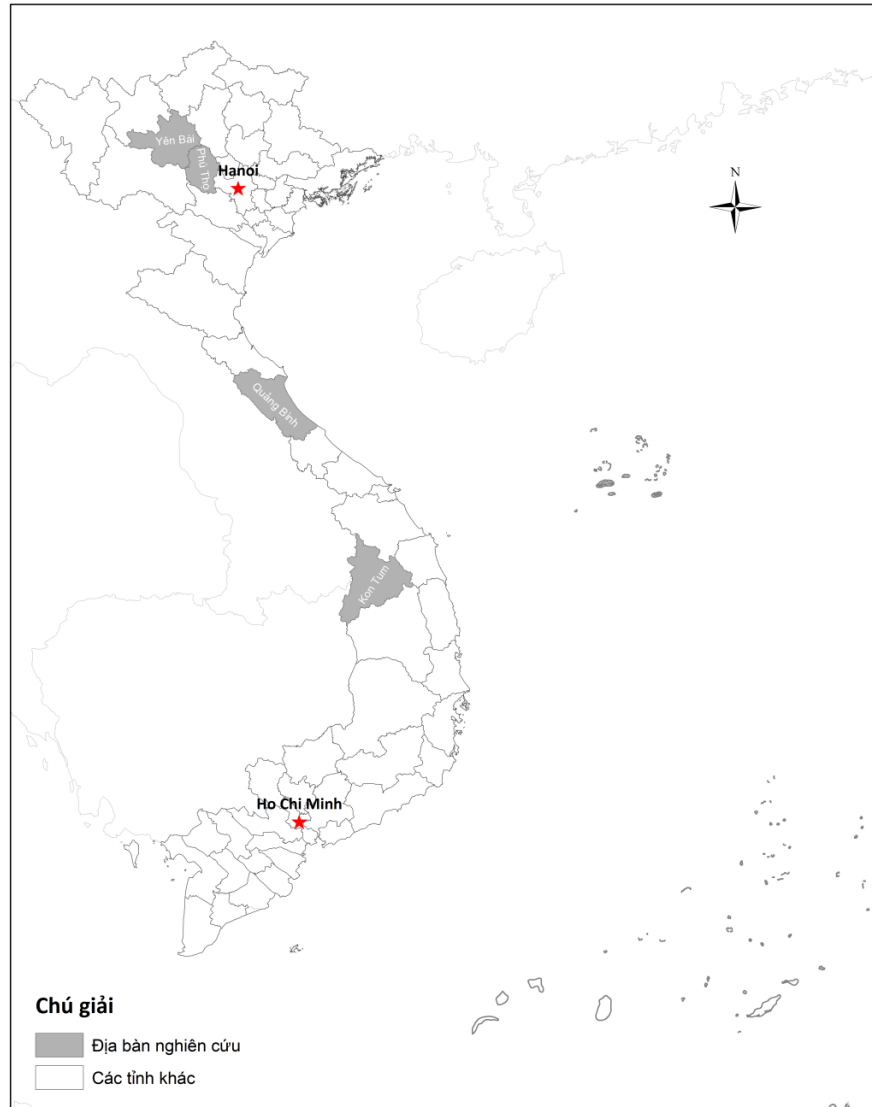
² <http://www.baomoi.com/Gan-400-xuong-cua-xe-go-se-phai-dong-cua/141/4288281.epi>

³ Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Bình, 2012

2. Phương pháp và địa bàn nghiên cứu

Số liệu và thông tin phục vụ báo cáo được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp các xưởng xẻ và cán bộ ở địa phương. Công cụ để thu thập thông tin là bảng hỏi và các nội dung chuẩn bị sẵn theo đề cương nghiên cứu. Ngoài ra, số liệu còn được tổng hợp từ các báo cáo năm 2012 của Sở NN và PTNT, Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm, UBND Huyện, Hạt Kiểm Lâm, UBND Xã, và số liệu từ Tổng cục Thống kê, niên giám thống kê các tỉnh.

Hình 1: Địa bàn nghiên cứu xưởng xẻ gỗ



Nghiên cứu được thực hiện ở Yên Bái, Phú Thọ, Kon Tum, Quảng Bình và Hà Nội (Hình 1), trong đó Yên Bái và Phú Thọ đại diện cho các xưởng xẻ gỗ rừng trồng. Kon Tum, Quảng Bình và Hà Nội đại diện cho các xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên. Việc chọn địa bàn nghiên cứu tại mỗi tỉnh đều được bàn và thảo luận với cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh và cấp huyện, Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm và Hạt Kiểm Lâm. Chỉ tiêu cơ bản để lựa chọn địa bàn nghiên cứu là số lượng xưởng xẻ và tính đại diện của huyện cũng như xã được chọn.

Tại Yên Bái và Phú Thọ, hai huyện đại diện được chọn làm địa bàn nghiên cứu là Đoan Hùng và Trấn Yên. Tại Đoan Hùng, xã Vân Du và Tây Cốc được chọn để khảo sát các xưởng xẻ quy mô hộ gia đình.

Tại Quảng Bình và KonTum, do số lượng xưởng xẻ không nhiều nên nghiên cứu được thực hiện trên quy mô cấp huyện. Tại Quảng Bình, huyện Bố Trạch, thành phố Đồng Hới và Huyện Quảng Ninh được chọn làm địa bàn khảo sát còn tại Kon Tum nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát tại huyện Ngọc Hồi, huyện Đăk Tô và thành phố Kon Tum. Hà nội được chọn làm địa điểm để kiểm định và hiệu chỉnh nội dung bảng hỏi trước khi đi khảo sát thực tế.

2.1. Phú Thọ

Tỉnh Phú Thọ có thành phố Việt Trì và 12 huyện thị. Tổng diện tích rừng chiếm 182.656 ha, bằng 49,9% tổng diện tích đất tự nhiên. Diện tích rừng tự nhiên chiếm 64.064 ha và diện tích rừng trồng là 118.592 ha. Rừng trồng ở Phú Thọ chủ yếu nằm ở các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Hạ Hòa, Yên Lập và Đoan Hùng.

Diện tích rừng có thể khai thác ở Phú Thọ chiếm khoảng 57 ngàn ha, trung bình mỗi năm khai thác khoảng 300 ngàn m³ gỗ. Lượng gỗ khai thác được cung cấp cho nhà máy giấy, cơ sở sản xuất dăm, xẻ gỗ và ván bóc. Năm 2010-2011, lượng gỗ khai thác trong tỉnh chỉ đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu⁴ của các cơ sở chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, tổng cộng có 700 cơ sở chế biến gỗ. Các mặt hàng do các cơ sở này sản xuất bao gồm gỗ xẻ, ván bóc, dăm, đũa, bột giấy, giấy, ván ép và đồ mộc gia dụng (giường, tủ, bàn, ghế). Lượng gỗ nguyên liệu sử dụng trong năm 2012 ước tính khoảng 600.000 m³ trong đó 65% cung cấp cho các cơ sở chế biến giấy và bột giấy, 30% cung cấp cho các cơ sở xẻ gỗ và ván bóc, 5% còn lại phục vụ các cơ sở sản xuất dăm. Gỗ nguyên liệu chủ yếu được khai thác từ rừng trồng, chiếm 95%, 5% còn lại là gỗ nhập khẩu. Các cơ sở sản xuất giấy và bột giấy chủ yếu nằm ở huyện Phù Ninh và Thành phố Việt Trì, sản xuất ván bóc tập trung ở Hạ Hòa và Yên Lập. Còn các cơ sở cưa xẻ gỗ chủ yếu tập trung ở huyện Đoan Hùng (Phùng Văn Vinh, 2012).

Huyện Đoan Hùng

Huyện Đoan Hùng có 27 xã và 1 thị trấn, khoảng 150-200 xưởng xẻ, 01 chợ gỗ và 2 Trạm Kiểm Lâm (Cát Lâm và Đầu Lô) trực thuộc Hạt Kiểm Lâm Huyện. Số lượng các xưởng xẻ trên địa bàn huyện chủ yếu tập trung ở xã Quế Lâm, Tây Cốc và Vân Du. Ở xã Bằng Luân và Ngọc Quan, số lượng xưởng xẻ ít hơn, khoảng 10-15 xưởng mỗi xã. Ở Thị Trấn Đoan Hùng, xã Yên Kiện, Chi Đám, số lượng từ 5 đến 7 xưởng. Tại các xã khác số lượng không quá 5 xưởng. Lượng nguyên liệu khai thác từ rừng trồng trong tỉnh chỉ đáp ứng được 30% nhu cầu của các xưởng, 70% còn lại chủ yếu nhập từ Yên Bái, Tuyên Quang và Hà Giang. Nguyên liệu gỗ phục vụ các xưởng xẻ trong huyện chủ yếu là keo, bạch đàn và bồ đề trong đó keo chiếm 80%, còn bạch đàn và bồ đề chiếm 20%.

Xã Tây Cốc

Xã Tây Cốc nằm ở phía Tây Nam huyện Đoan Hùng, là một trong những xã có nhiều xưởng xẻ của huyện. Hiện tại trên địa bàn xã có khoảng 30 xưởng xẻ. Các xưởng xẻ ở Tây Cốc tập trung thành từng cụm nằm cạnh đường giao thông, thuận tiện cho việc vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm. Xưởng xẻ ở Tây Cốc xuất hiện từ năm 1999 với 3 xưởng. Năm 2009 có 40 xưởng, đến năm 2012 một số xưởng đóng cửa nên chỉ còn khoảng 30 xưởng. Diện tích rừng trồng của Tây Cốc có khoảng 700 ha, trong đó 500 ha là của công ty lâm nghiệp Đoan Hùng, diện tích rừng trồng của dân chỉ chiếm khoảng 200 ha. Do vậy, diện tích rừng trồng trong xã không đủ đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của các xưởng xẻ. Nguyên liệu được nhập về từ các địa phương lân cận, trong đó 40% từ các huyện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, 60% còn lại nhập từ Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang và Hà Giang.

2.2. Yên Bái

Tỉnh Yên Bái bao gồm 8 huyện thị và 01 thành phố. Tổng diện tích rừng chiếm 440.000 ha, bao phủ 64% diện tích toàn tỉnh. Diện tích rừng tự nhiên chiếm 230.000 ha và diện tích rừng trồng khoảng 180.000 ha. Tỉnh Yên Bái được chia thành hai vùng: vùng thấp và vùng cao. Rừng trồng chủ yếu tập trung ở vùng thấp bao gồm huyện Yên Bình, Trấn Yên, Lục Yên, Văn Yên và 8 xã vùng ngoài của huyện Văn Chấn. Rừng tự nhiên nằm ở vùng cao bao gồm huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải và 8 xã vùng trong của huyện Văn Chấn.

⁴ Lượng gỗ khai thác chỉ đáp ứng được 30% vì một phần được bán sang các tỉnh lân cận

Hàng năm, khoảng 10.000 ha rừng trồng trên địa bàn tỉnh Yên Bái được khai thác với năng suất trung bình khoảng 50-60 m³/ha. Lượng gỗ nguyên liệu khai thác từ rừng trồng được cung cấp cho nhà máy giấy, các xưởng xẻ, các cơ sở sản xuất ván bóc, đũa gỗ và bán sang các tỉnh khác. Lượng gỗ khai thác từ rừng trồng đáp ứng 80% nhu cầu của các cơ sở chế biến, phần còn lại nhập từ các tỉnh lân cận như Lào Cai, Hà Giang và Tuyên Quang và Phú Thọ.

Theo Chi Cục Lâm Nghiệp tỉnh Yên Bái, trên địa bàn tỉnh Yên Bái, có khoảng 400 cơ sở chế biến gỗ. Sản phẩm của các cơ sở này bao gồm ván ghép thanh, ván xẻ thanh, đũa gỗ, ván bóc, ván dán, ván MDF, viên nén năng lượng, bột giấy và sản phẩm nội thất, văn phòng (bàn, ghế, giường, tủ). Nhu cầu gỗ nguyên liệu hàng năm của các cơ sở chế biến trên địa bàn tỉnh Yên Bái ước tính khoảng 750.000 m³ gỗ tròn, trong đó 40% phục vụ ván ghép thanh, ván xẻ thanh và ván bóc. Ván MDF chiếm khoảng 25%, bột giấy 22%. Phần còn lại là đũa gỗ, viên nén năng lượng và đồ gỗ nội thất gia đình, văn phòng. Các cơ sở xẻ gỗ và sản xuất ván bóc tập trung chủ yếu ở huyện Yên Bình và Trấn Yên, chiếm 50% tổng số cơ sở chế biến gỗ trong toàn tỉnh. Huyện Trấn Yên có nhiều cơ sở nhất, 150 cơ sở trong tổng số 400 cơ sở trên địa bàn toàn tỉnh⁵.

Huyện Trấn Yên

Huyện Trấn Yên có 21 xã và 1 thị trấn, khoảng 150 cơ sở chế biến gỗ và 4 Trạm Kiểm Lâm (Việt Thành, Quy Mông, Việt Hồng và Hưng Khánh) trực thuộc Hạt Kiểm Lâm Huyện. Các cơ sở xẻ gỗ và ván bóc có mặt ở hầu hết tất cả các xã. Các xã có nhiều xưởng xẻ và ván bóc là Lương Thịnh, Quy Mông, Báo Đáp và Hưng Khánh, trong đó số lượng nhiều nhất là xã Lương Thịnh (64 cơ sở).

Theo số liệu của Hạt Kiểm Lâm huyện Trấn Yên, hàng năm lượng gỗ nguyên liệu sử dụng trên địa bàn huyện ước tính khoảng 80.000 – 100.000 m³ gỗ tròn, trong đó keo chiếm khoảng 60%, bồ đề 25%, 15% còn lại là quế. Tổng diện tích đất rừng trên địa bàn huyện là 32.113 ha, trong đó có 10.400 ha keo, 8.000 ha quế, diện tích còn lại là bồ đề và măng bát độ. Hàng năm huyện khai thác khoảng 3.000 ha với năng suất khoảng 50-60 m³ gỗ tròn/ha.

2.3. Quảng Bình

Quảng Bình có tổng diện tích tự nhiên là 806.526 ha, trong đó 549.540 ha đất có rừng, 456.536 ha rừng tự nhiên, 93.003 ha rừng trồng và 70.640 ha đất trống quy hoạch cho lâm nghiệp⁶. Độ che phủ rừng tại tỉnh Quảng Bình năm 2012 là 67%⁷.

Theo Sở NN và PTNT, từ năm 2007 UBND tỉnh Quảng Bình đã có quyết định quy hoạch mạng lưới cửa xẻ gỗ trên địa bàn tỉnh. Trong tổng số 220 cơ sở được quy hoạch chỉ có 162 cơ sở được thành lập và hoạt động (đạt 73,6%), còn 50 cơ sở chưa được thành lập. Trong số các cơ sở được quy hoạch, có 80 cơ sở được cấp phép và 82 cơ sở chưa được cấp phép⁸. Hiện nay, Sở NN và PTNT tỉnh Quảng Bình đang hoàn thiện phương án quy hoạch mạng lưới cửa xẻ gỗ. Ba huyện được lựa chọn để nghiên cứu là huyện Bố Trạch, huyện Quảng Ninh và thành phố Đồng Hới với đặc điểm như sau⁹:

- Huyện Bố Trạch: là huyện có số lượng cơ sở xẻ đưa vào phương án quy hoạch là 68, lớn nhất cả tỉnh Quảng Bình.
- Thành phố Đồng Hới: với 31 xưởng xẻ đưa vào quy hoạch, đây là trung tâm, đầu mối giao thương của Tỉnh.
- Huyện Quảng Ninh: với 25 xưởng xẻ đưa vào quy hoạch, huyện Quảng Ninh được lựa chọn nhằm mục đích tìm hiểu các xưởng xẻ sống gần rừng. Trên địa bàn huyện có lâm trường Trường Sơn, là lâm trường có rừng tự nhiên đang tiến tới quản lý rừng bền vững.

⁵Phỏng vấn tại chi cục Lâm nghiệp tỉnh Yên Bái và Hạt Kiểm Lâm huyện Trấn Yên

⁶Chi cục kiểm lâm tỉnh Quảng Bình

⁷www.kieclam.org.vn

⁸Chi cục lâm nghiệp tỉnh Quảng Bình

⁹Chi cục lâm nghiệp tỉnh Quảng Bình

2.4. Kon Tum

Tỉnh Kon Tum có tổng diện tích tự nhiên là 968.960 ha, trong đó diện tích có rừng chiếm 631.954 ha, bao gồm 590.454 ha rừng tự nhiên và 41.500 ha rừng trồng. Độ che phủ của rừng chiếm 64,61%. Phân bố của rừng ở hầu hết các huyện trên địa bàn tỉnh. Các huyện có nhiều rừng với độ che phủ cao là Sa Thầy, Đăk Glei, Kon Plong và Tu Mơ Rông. Các huyện còn lại độ che phủ của rừng khá thấp, điển hình là thành phố Kon Tum, huyện Đăk Hà và huyện Đăk Tô.

Theo Sở NN và PTNT, từ năm 2005 UBND Tỉnh thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên làm giảm nguồn nguyên liệu khiến các xưởng xẻ hoạt động cầm chừng, một số cơ sở ngừng hoạt động. Hiện nay, nguồn gỗ nguyên liệu của các xưởng chủ yếu từ các tỉnh lân cận, gỗ khai thác tận dụng, gỗ tĩa thừa rừng trồng, gỗ tịch thu đã thanh lý, gỗ bảo lũ vẫn còn tồn đọng và gỗ nhập khẩu từ Lào. Về chủng loại, gỗ nhập khẩu chủ yếu là hương, sao, trắc, dầu, sến, chò chỉ; gỗ rừng tự nhiên trong nước là giổi, cóc đá, thông nang, cáng lò, gội nếp, gội tẻ; còn gỗ rừng trồng và, gỗ vườn nhà là keo, thông, cao su, mít, xoan ta. Tổng lượng gỗ nguyên liệu sử dụng trong ngành chế biến của tỉnh khoảng 100.000 m³ gỗ tròn/năm. Năm 2012 trên địa bàn tỉnh có 63 cơ sở chế biến gỗ, hầu hết các cơ sở đều có quy mô vừa và nhỏ, thiết bị máy móc đang sử dụng tương đối cũ, thời gian sử dụng từ 6 đến 15 năm, năng lực sản xuất thấp. Tỉnh đã có Phương án quy hoạch mạng lưới chế biến gỗ và lâm sản giai đoạn 2011-2020. Theo đó những xưởng chế biến gỗ không nằm trong quy hoạch phải có phương án di dời vào đúng vị trí đã được quy hoạch trước năm 2015.

Ba địa điểm nghiên cứu được chọn tại tỉnh Kon Tum bao gồm: huyện Ngọc Hồi, huyện Đăk Tô và thành phố Kon Tum, trong đó:

- Ngọc Hồi là huyện biên giới giáp Lào, nơi có lượng lớn gỗ nhập khẩu qua cửa khẩu Bờ Y. Nhưng đa số nguồn gỗ này được vận chuyển tiêu thụ tại các địa bàn khác.
- Đăk Tô là huyện đang áp dụng quy trình quản lý khai thác rừng bền vững tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đăk Tô trong khuôn khổ Chương trình Lâm nghiệp Việt-Đức. Hàng năm, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đăk Tô được phép khai thác 6-8 nghìn m³ gỗ tròn.
- Thành phố Kon Tum là trung tâm chế biến gỗ của tỉnh, nơi tập trung nhiều xưởng xẻ nhất. Đa số các xưởng xẻ ở đây đều xẻ quy cách theo yêu cầu cung cấp cho các cơ sở chế biến gỗ hoặc các công trình xây dựng trong và ngoài tỉnh.

2.5. Phân loại xưởng xẻ

2.5.1. Định nghĩa xưởng xẻ hộ gia đình

Xưởng xẻ hộ gia đình là loại hình kinh doanh chỉ đăng ký hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh theo Nghị Định 43/2010/NĐCP, không có con dấu và không có mã số thuế, sử dụng không quá 10 lao động.

2.5.2. Xưởng xẻ phân loại theo nguồn nguyên liệu

Do các xưởng xẻ hình thành và phát triển ở các vùng nguyên liệu khác nhau, nên được chia thành 2 nhóm chính: xưởng xẻ gỗ rừng trồng và xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên trong đó có cả gỗ trong nước và gỗ nhập khẩu.

Xưởng xẻ gỗ rừng trồng

Xưởng xẻ gỗ rừng trồng là các xưởng xẻ gỗ có nguồn gốc từ rừng trồng trong nước. Loại xưởng xẻ này rất phổ biến tại Yên Bái và Phú Thọ. Sản phẩm có hai loại: xẻ hộp và xẻ ván, trong đó xưởng xẻ hộp thường xẻ gỗ tròn thành hộp có tiết diện nhỏ và vừa theo yêu cầu¹⁰. Người mua đến đặt hàng theo mẫu mã, quy cách và chất lượng sản phẩm sau đó các xưởng tìm nguyên liệu đầu vào và xẻ theo yêu cầu của khách hàng. Sản phẩm chủ yếu của các xưởng xẻ này là các loại thanh làm kệ kê hàng (pallet), thanh để ghép ván, chân giường, dất dường, xà gồ và cốt pha phục vụ ngành xây dựng.

¹⁰ Do có tiết diện nhỏ nên các xưởng xẻ này còn được gọi là xưởng xẻ thanh (Phụ lục)

Xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên

Xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên thường là loại hình xưởng xẻ những loại gỗ có đường kính lớn từ rừng tự nhiên. Loại hình xưởng xẻ này thường tập trung ở gần khu vực các làng nghề và gần rừng tự nhiên. Địa bàn nghiên cứu loại hình xưởng này nằm ở Hà Nội, Quảng Bình và Kon Tum. Đa số gỗ rừng tự nhiên với đường kính to được xẻ hộp để bán thương mại, bìa bóc được tận dụng làm cốt pha. Số lượng nhỏ còn lại được xẻ ván theo yêu cầu của khách hàng.

Do có sự khác biệt về nguồn nguyên liệu và thị trường của sản phẩm đầu ra nên báo cáo tập trung phân tích các xưởng xẻ theo nguồn nguyên liệu: gỗ rừng trồng và gỗ rừng tự nhiên, trong đó gỗ rừng tự nhiên được chia thành 2 loại là gỗ rừng tự nhiên trong nước và gỗ nhập khẩu.

3. Tổng quan ngành chế biến gỗ Việt Nam từ năm 2001

Từ năm 2001 đến nay, ngành chế biến gỗ Việt Nam phát triển một cách đáng kể. Số lượng doanh nghiệp tăng bình quân 18% một năm, trong đó chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và rất nhỏ. Năm 2009, tổng số doanh nghiệp trong ngành chế biến gỗ khoảng 3,400 nhưng đến năm 2012, theo Bộ NN và PTNT, tổng số doanh nghiệp trong ngành chế biến gỗ Việt Nam tăng lên 3,900 doanh nghiệp, trong đó 95% là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước chiếm 5%. Khoảng 16% tổng số doanh nghiệp được nhận vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI). Những nước đầu tư vốn vào ngành chế biến gỗ Việt Nam bao gồm Đài Loan (183 doanh nghiệp), Hàn Quốc (38 doanh nghiệp), Anh (29), Nhật (27), Trung Quốc (26 doanh nghiệp). Hầu hết các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là các doanh nghiệp xuất khẩu, chủ yếu ở phía Nam Việt Nam như Bình Dương, Đồng Nai và Thành Phố Hồ Chí Minh (Nguyễn Tôn Quyền và Trần Hữu Nghị, 2011; Huỳnh Văn Hạnh, 2012).

Nếu tính quy mô theo lao động, số lượng doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm đa số (93%), 7% còn lại là các doanh nghiệp vừa và lớn. Các doanh nghiệp chủ yếu phân bố ở các vùng Đông Bắc Bộ (26%), Tây Nguyên (22%), Bắc Trung Bộ (21%) và Tây Bắc Bộ (12%). Ở Những vùng này, số lượng doanh nghiệp tuy nhiều nhưng chủ yếu là quy mô nhỏ nên sản lượng chỉ đạt khoảng 20% tổng giá trị sản phẩm gỗ. Ở Vùng Đông Nam Bộ, mặc dù số lượng doanh nghiệp chỉ chiếm 3% nhưng đa phần quy mô lớn nên sản lượng đạt 60% tổng giá trị gỗ đã qua chế biến. Số lượng doanh nghiệp tại vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ khoảng 14% và sản lượng đạt 20% tổng giá trị (Huỳnh Văn Hạnh, 2012).

Đến năm 2010, giá trị xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam đã đạt 3,4 tỷ USD (tăng 34% so với tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2009). Năm 2010, Việt Nam xuất khẩu sản phẩm gỗ sang 100 nước trên thế giới, trong đó các thị trường chính là Mỹ, Châu Âu, Nhật và Trung Quốc, chiếm tới 90% tổng kim ngạch xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ sang 4 thị trường này tăng đáng kể trong vòng 10 năm. Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ sang thị trường Mỹ chỉ đạt 9,4 triệu USD, đến năm 2010 đạt trên 1,1 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nhật, Châu Âu và Trung Quốc, trong giai đoạn từ 2001 đến 2009, tăng từ 4 đến 6 lần (Nguyễn Tôn Quyền và Trần Hữu Nghị, 2011). Năm 2011, sản phẩm gỗ của Việt Nam đã có mặt ở 120 nước với tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành đạt 3,9 tỷ USD, chủ yếu xuất khẩu sang các nước Mỹ, Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc. Lượng sản phẩm gỗ xuất khẩu sang Châu Âu giảm đáng kể so với năm 2010 (Huỳnh Văn Hạnh, 2012). Hiện nay, chính Phủ Việt Nam đang có chiến lược tăng giá trị xuất khẩu sản phẩm gỗ lên 7 tỷ USD đến năm 2020 (NewForests, 2010). Do vậy, trong những năm gần đây, doanh nghiệp và chính phủ Việt nam đã và đang tìm kiếm các thị trường mới cho sản phẩm gỗ Việt nam như: Nga, Ba Lan, Cộng Hòa Séc, Italia, Thổ Nhĩ Kỳ và một số nước khác. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu sang những thị trường này đang còn thấp, nhưng đây là những thị trường tiềm năng để mở rộng trong tương lai.

Hàng năm, ngành chế biến gỗ Việt Nam tiêu thụ một lượng lớn gỗ nguyên liệu. Năm 2011, tổng lượng nguyên liệu gỗ phục vụ ngành chế biến gỗ khoảng 16 triệu m³ gỗ tròn, trong đó 7 triệu m³ phục vụ sản xuất dăm và giấy. Phần còn lại do các cơ sở chế biến và sản xuất đồ gỗ tiêu thụ, trong đó 3 triệu m³ phục vụ thị trường trong nước và 6 triệu m³ phục vụ thị trường xuất khẩu (Huỳnh Văn Hạnh, 2012). Trong khi đó, năm 2009, tổng lượng gỗ nguyên liệu do các cơ sở chế biến và sản xuất đồ gỗ chỉ tiêu thụ khoảng 6-7 triệu m³ gỗ tròn. Như vậy lượng gỗ nguyên liệu phục vụ ngành chế biến gỗ có xu hướng tăng hàng năm.

Mặc dù vậy, khả năng cung cấp gỗ nguyên liệu từ rừng trồng và rừng tự nhiên trong nước cho ngành chế biến gỗ còn hạn chế, chỉ đạt 12,3 triệu m³ gỗ tròn/năm. Gỗ từ rừng trồng thường có đường kính nhỏ nên chủ yếu phục vụ ngành

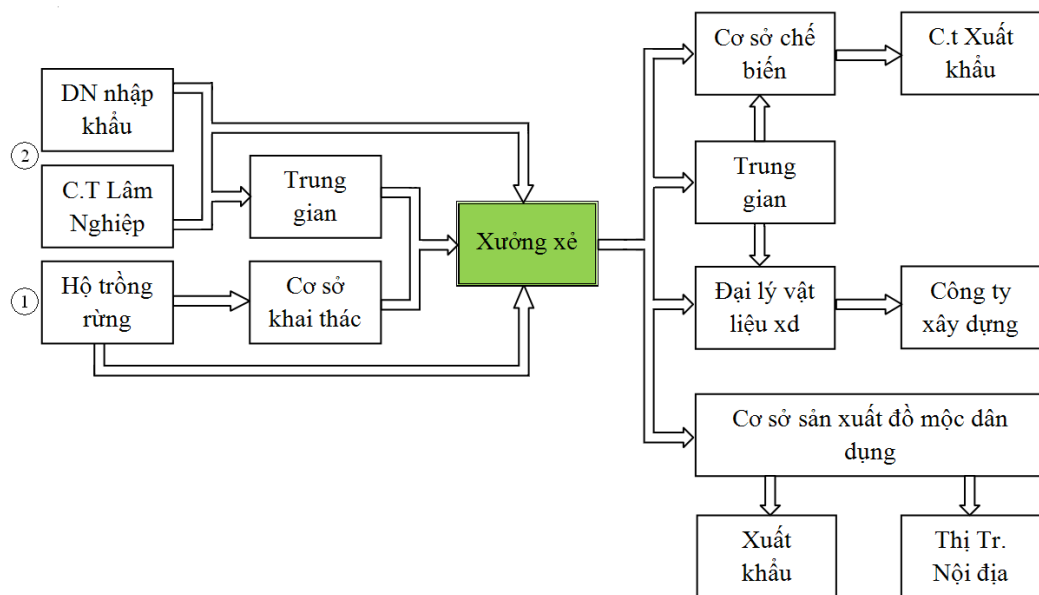
dầm và giấy (7 triệu m³ gỗ tròn/năm). Do vậy, trong những năm gần đây, trung bình mỗi năm Việt Nam tiêu tốn từ 1-1,2 tỷ USD để nhập gỗ nguyên liệu từ các nước Lào, Mỹ, Trung Quốc, Malaysia, Thái Land, Cambodia, New Zealand, Myanmar, Chi lê và Cameroon (Huỳnh Văn Hạnh, 2012). Theo Nguyễn Tôn Quyền và Trần Hữu Nghị (2011), năm 2010, tổng kim ngạch nhập khẩu gỗ của Việt Nam đạt 1,2 tỷ USD. Trong số gỗ nguyên liệu nhập khẩu 15% là gỗ tròn, 55% gỗ xẻ, 30% còn lại là ván nhân tạo MDF, ván lạng, ván dán.

Điều đó chứng tỏ rằng quá trình phát triển vùng nguyên liệu tại Việt Nam không đáp ứng được tăng trưởng của ngành chế biến gỗ. Ngành chế biến gỗ nói chung và các xưởng xẻ nói riêng vẫn phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu.

4. Các nhân tố trong chuỗi cung ứng qua xưởng xẻ

4.1. Chuỗi cung ứng và các nhân tố tham gia

Hình 2. Chuỗi cung ứng gỗ qua xưởng xẻ



Gỗ nguyên liệu cung cấp cho xưởng xẻ bao gồm: gỗ rừng trồng, gỗ rừng tự nhiên trong nước và gỗ nhập khẩu. Hình 2 thể hiện nguồn nguyên liệu cung cấp theo 2 kênh: (1) Gỗ rừng trồng được cung cấp cho xưởng xẻ thông qua các hộ trồng rừng và các cơ sở khai thác. (2) Gỗ rừng tự nhiên trong nước được các công ty lâm nghiệp khai thác theo chỉ tiêu hàng năm và gỗ nhập khẩu do các doanh nghiệp nhập khẩu cung cấp. Các xưởng xẻ có thể mua gỗ trực tiếp từ các công ty cung ứng hoặc thông qua “trung gian” buôn bán gỗ (Hình 2).

Gỗ, sau khi vào xưởng xẻ, sẽ được sơ chế và bán cho các cơ sở sản xuất đồ mộc, cơ sở sản xuất gỗ xây dựng, còn phế liệu được bán cho các cơ sở chế biến bột giấy, dầm gỗ, viên nén năng lượng, hoặc qua trung gian buôn bán sản phẩm từ xưởng xẻ đến các cơ sở này (Hình 2).

4.2. Nguyên liệu, sản phẩm và khách hàng của xưởng xẻ

Gỗ nguyên liệu cung cấp cho xưởng xẻ gỗ rừng trồng có sự khác biệt đáng kể so với gỗ nguyên liệu sử dụng trong xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên. Xưởng xẻ gỗ rừng trồng chủ yếu sử dụng các loại gỗ keo, xoan, quế và bạch đàn trong khi gỗ nguyên liệu trong các xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên tương đối đa dạng và phong phú. Gỗ rừng tự nhiên trong nước chủ yếu thuộc nhóm 3, 4 và 5. Gỗ nhập khẩu bao gồm hương, sao, trắc, dầu, sến, chò chỉ, cẩm và gỗ (Bảng 1). Lượng nguyên sử dụng trong mỗi xưởng xẻ gỗ rừng trồng dao động từ 300 đến 600 m³/năm trong khi các xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên từ 500 đến 1000 m³/năm.

Mặc dù chủng loại gỗ sử dụng trong xưởng xẻ gỗ rừng trồng không đa dạng nhưng sản phẩm đầu ra tương đối đa dạng và phong phú, bao gồm gỗ xẻ thanh làm kệ kê hàng và các loại ván ghép thanh, các loại ván xẻ quy cách để phục vụ các cơ sở chế biến đồ mộc trong làng nghề. Ngoài ra, xưởng xẻ gỗ rừng trồng còn cung cấp các loại gỗ phục vụ ngành xây dựng như cây chống, cốp pha và xà gồ. Phế liệu của các xưởng này như bìa bóc và mùn cưa cũng được bán cho các cơ sở chế biến như cơ sở sản xuất viên nén năng lượng, dăm gỗ và bột giấy.

Các xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên và nhập khẩu chủ yếu xẻ ván quy cách để phục vụ các cơ sở sản xuất đồ gỗ nội, ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các cơ sở sản xuất đồ mộc xây dựng như cửa sổ, cửa ra vào, cột kèo, tấm la phong, trần nhà, ván ốp tường. Một số xưởng xẻ, ngoài ván xẻ, còn sản xuất thêm đồ gỗ gia dụng như sập, bàn, ghế, đồ thờ.

Bảng 1: Nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra của xưởng xẻ

	Xưởng xẻ gỗ rừng trồng (1)	Xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên (2)	
Loại nguyên liệu	Keo, xoan, quế, bạch đàn	Gỗ rừng tự nhiên trong nước: Chủ yếu gỗ nhóm 3, 4 và 5 (Sồi, dẻ, kháo).	Gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu: Hương, sao, trắc, dầu, sến, chò chỉ, cẩm, gõ
Lượng nguyên liệu (m ³ /xưởng/năm)	300-600	500-1000	
Sản phẩm	Gỗ xẻ thanh, ván xẻ quy cách, gỗ phục vụ ngành xây dựng (cây chống, cốp pha và xà gồ)	Gỗ xẻ hộp, gỗ xẻ thanh, ván xẻ quy cách, gỗ phục vụ xây dựng	
Phế liệu	Bìa bấp, mùn cưa	Mùn cưa, bìa bấp	
Khách hàng	Cơ sở sản xuất ván ghép thanh, kệ kê hàng, đại lý gỗ xây dựng, cơ sở sản xuất đồ mộc gia dụng (giường và tủ), viên nén năng lượng và bột giấy	Cơ sở chế biến gỗ, xây dựng và mộc dân dụng (giường, tủ, bàn, ghế, đồ thờ), làng nghề (đồ gỗ mỹ nghệ)	

Nguồn: Khảo sát thực địa

5. Quản lý và vận hành xưởng xẻ hộ gia đình

5.1. Quản lý và tổ chức sản xuất trong xưởng xẻ

Cách thức quản lý và tổ chức sản xuất của các xưởng xẻ hộ gia đình được chia thành 2 hình thức. Ở những hộ gia đình có quy mô nhỏ, đầu tư thấp, chỉ khoảng 1-2 máy cưa thì chủ hộ gia đình cũng là nguồn nhân lực của xưởng, trong đó chủ xưởng và kế toán là người trong gia đình, đóng vai trò là quản đốc điều phối mọi hoạt động trong xưởng xẻ và chấm công lao động cho công nhân. Những hộ gia đình này chỉ thuê thêm 2-3 công nhân. Các hoạt động lập kế hoạch, giám sát và ghi chép lại các hoạt động xẻ trong xưởng được thực hiện rất đơn giản, chủ yếu do chủ xưởng tự tính toán và ghi chép vào sổ tay.

Ở những hộ gia đình xưởng xẻ có quy mô lớn hơn (6-10 công nhân) thì chủ xưởng chỉ quản lý chung, tìm kiếm nguyên liệu đầu vào và bán sản phẩm đầu ra. Còn trong xưởng có thợ chính (công nhân có tay nghề) đứng xẻ theo quy cách được yêu cầu cho từng loại sản phẩm. Ở những xưởng này, các chủ xưởng đã phát triển thêm bảng chấm công và bảng theo dõi việc giao nhận hàng với khách.

Hàng tháng, theo thông tư 01/2012/TT-BNNPTNT, các xưởng lập báo cáo thống kê xuất, nhập và tồn kho sau đó gửi cho Hạt Kiểm Lâm Huyện. Mẫu thống kê này do Chi cục Kiểm lâm xây dựng và gửi cho các xưởng xẻ. Việc quản lý nguyên liệu đầu vào được thực hiện dựa trên số đầu lóng gỗ. Các xưởng xẻ sử dụng lý lịch gỗ để theo dõi khối lượng gỗ nhập vào xưởng và theo dõi khối lượng gỗ đưa vào xẻ.

Tuy nhiên, các xưởng xẻ không thực hiện các biện pháp/quy trình truy xuất nguồn gốc gỗ nguyên liệu. Do các xưởng xẻ không ghi chép sản lượng gỗ xẻ từ từng lóng gỗ nên nguồn gốc của sản phẩm không thể nhận dạng sau khi xẻ¹¹. Cũng vì lý do này mà tỷ lệ thành khí không được thống kê đầy đủ để phân tích hiệu quả sản xuất. Các xưởng chỉ có thể ước tính tỷ lệ thành khí trung bình khoảng 55-65% đối với gỗ tròn và 85% đối với gỗ hộp. Nhiều xưởng xẻ thường lấy tỷ lệ thành khí là 62.5% theo Thông tư số 10-LN/SX ngày 08/02/1971 của Tổng cục Lâm nghiệp hướng dẫn thi hành bản chỉ tiêu tạm thời về tỷ lệ thành khí gỗ xẻ.

5.2. Công nghệ và máy móc

Các xưởng xẻ hộ gia đình sử dụng gỗ khai thác từ rừng tự nhiên thường trang bị cho xưởng ít nhất một chiếc cưa vòng nằm (hay còn gọi là cưa CD, cưa xẻ phá) vì các loại cưa vòng nằm đều có chung ưu điểm là mạch xẻ nhỏ và dễ duy trì bảo dưỡng hơn so với cưa vòng đứng. Hầu hết các xưởng đều trang bị máy cưa vòng nằm được sản xuất trong nước. Chi phí mua và lắp mới cưa vòng nằm thường dao động trong khoảng 35-50 triệu VND tùy theo công suất của cưa (Phụ lục). Đối với các xưởng xẻ gỗ rừng trồng, chủ xưởng trang bị thêm cưa vòng đứng để xẻ gỗ hộp có tiết diện nhỏ như chân giường, gỗ xẻ thanh làm ván ghép và làm kệ kê hàng (Bảng 2). Để tiết kiệm chi phí, một số xưởng trang bị máy cũ hoặc chỉ mua phần khung từ các nhà cung cấp và tự trang bị thêm động cơ (motor) mua từ các cơ sở địa phương. Theo số liệu điều tra tại Tây Cốc thì số lượng máy cũ trong các xưởng chiếm 22%, phần còn lại được trang bị mới.

Bảng 2: Máy móc và công nghệ của xưởng xẻ hộ gia đình

Xưởng xẻ gỗ rừng trồng (1)	Xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên (2)
Cưa vòng đứng	Cưa vòng nằm
Cưa vòng nằm	Cưa xăng
Cưa xăng	Cưa đĩa
Cưa đĩa	Máy hàn, mài
Máy hàn, mài	Xe nâng, hệ thống tời

Nguồn: Khảo sát thực địa

Trong hệ thống máy móc, một số xưởng xẻ còn trang bị thêm cưa xăng (hay còn gọi là cưa xích hoặc cưa lóc) để cắt khúc, cưa đĩa (cưa mâm) để cắt ngắn hoặc xẻ quy cách tận dụng (Bảng 2). Ngoài ra, một số xưởng kết hợp sản xuất đồ mộc dân dụng đầu tư thêm máy cưa, bào và các dụng cụ cầm tay. Trong các xưởng xẻ, chỉ cưa xăng có nguồn gốc từ Thụy Điển, còn các loại máy móc và trang thiết bị khác có nguồn gốc trong nước.

Tóm lại, hệ thống cưa của các xưởng xẻ quy mô nhỏ vẫn hết sức thô sơ, chất lượng mạch xẻ không cao và sử dụng sức người là chủ yếu. Tại các xưởng xẻ gỗ rừng trồng, người lao động tham gia trong các quá trình bốc, nâng, kê, đặt gỗ, đẩy cưa và đặt cỡ để căn chỉnh theo quy cách. Tại các xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên, việc vận chuyển gỗ từ kho bãi đến vị trí cưa được hỗ trợ bằng xe nâng hoặc hệ thống tời.

5.3. Các bên liên quan

Trên thực tế, rất nhiều cơ quan, ban ngành và cá nhân có liên quan đến hoạt động của xưởng xẻ. Những tổ chức và cá nhân này có thể được chia thành những nhóm sau: cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở cung ứng nguyên liệu và lao động, các cơ sở mua bán trung gian và các cơ sở mua sản phẩm đầu ra của xưởng xẻ. Cơ quan nhà nước trực tiếp liên quan đến xưởng xẻ là UBND Xã và Trạm Kiểm Lâm ở các huyện. Các cơ sở cung ứng nguyên liệu bao gồm công ty lâm nghiệp, doanh nghiệp nhập khẩu và hộ gia đình cung cấp nguyên liệu và lao động cho các xưởng xẻ. Các cơ sở sản xuất ván ghép thanh, đại lý vật liệu xây dựng và làng nghề mua sản phẩm chính còn các cơ sở chế biến làm viên nén năng lượng, dăm gỗ, bột giấy thu mua phế liệu của xưởng xẻ (Hình 3).

¹¹ Trên thực tế, gỗ tròn lưu tại kho bãi có thể được truy xuất dựa trên số các đầu lóng gỗ hoặc các đặc điểm nhận dạng. Nhưng các xưởng xẻ hộ gia đình đã không thực hiện quy trình này nên việc truy xuất nguồn gốc gỗ bị đứt đoạn khi lóng gỗ tròn được đem vào xẻ.

5.3.1. Cơ quan nhà nước

UBND Xã

Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Xã làm nhiệm vụ quản lý hành chính và xác nhận nguồn gốc gỗ của xưởng xẻ hộ gia đình. Do vậy, UBND Xã là cơ quan xác nhận trực tiếp vào bảng kê lâm sản và đơn thu mua, vận chuyển gỗ. Ngoài ra, UBND Xã còn làm nhiệm vụ thu lệ phí và thu thuế từ các xưởng xẻ hộ gia đình theo hợp đồng ủy nhiệm thu thuế với Cục Thuế của Tỉnh.

Trạm Kiểm Lâm

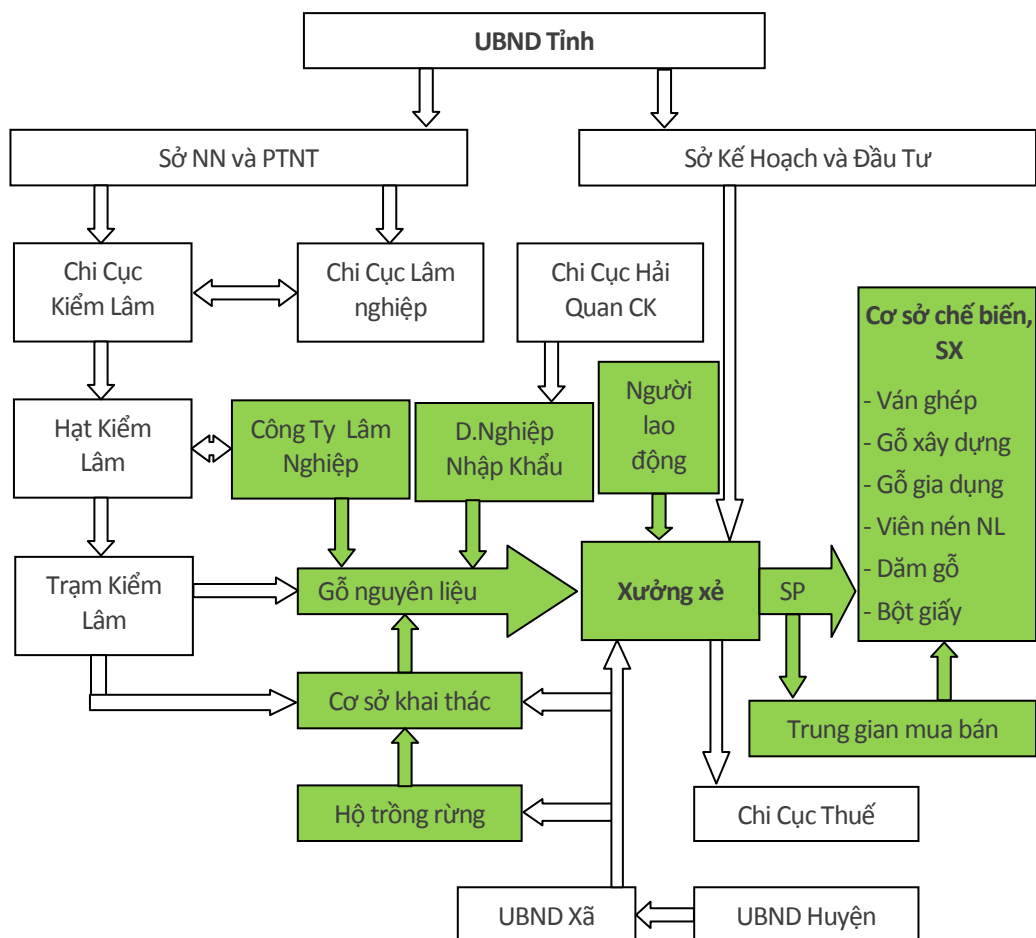
Trạm Kiểm Lâm là cơ quan có vai trò kiểm tra khối lượng và chủng loại gỗ. Gỗ rừng trồng sau khi khai thác sẽ được liệt kê trong bảng kê lâm sản. Bảng kê lâm sản do cơ sở khai thác hoặc hộ dân trồng rừng lập nên và phải có xác nhận của kiểm lâm địa bàn. Gỗ, khi được vận chuyển đến xưởng xẻ, cán bộ kiểm lâm địa bàn tiếp tục kiểm tra tính hợp pháp, khối lượng và chủng loại gỗ nhập vào xưởng.

Tại Kon Tum và Quảng Bình, Trạm Kiểm Lâm cung cấp Sổ Nhập Xuất Tồn cho các xưởng xẻ và dựa vào đó hàng tháng kiểm tra số liệu đầu vào - đầu ra gỗ nguyên liệu của các xưởng, sau đó tổng hợp gửi về Hạt Kiểm Lâm.

Hạt Kiểm Lâm

Hạt Kiểm Lâm là cơ quan trực tiếp triển khai các thông tư, quy định và quy chế khai thác bảo vệ rừng của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn. Thông qua các Trạm Kiểm Lâm, Hạt Kiểm Lâm quản lý nguồn gốc, chủng loại và số lượng gỗ nguyên liệu trong xưởng xẻ. Ngoài ra, Hạt Kiểm Lâm còn làm nhiệm vụ tham mưu cho UBND Huyện đưa ra các văn bản pháp quy về phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản trên địa bàn.

Hình 3. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước và chuỗi cung ứng sản phẩm của xưởng xẻ



Hạt Kiểm Lâm có trách nhiệm giám sát hoạt động khai thác gỗ rừng tự nhiên (nghiệm thu và đóng búa). Bên cạnh đó, Hạt Kiểm Lâm phối hợp với phòng ban liên quan của UBND Huyện, UBND Xã, bộ đội biên phòng, tổ chức các đợt kiểm tra liên ngành đến các cơ sở cưa xẻ, chế biến gỗ trên địa bàn huyện. Nội dung kiểm tra bao gồm: giấy phép kinh doanh, lý lịch gỗ (bảng kê lâm sản, hoá đơn mua bán), sổ nhập, xuất, tồn gỗ nguyên liệu. Khi phát hiện gỗ có nguồn gốc không hợp pháp, đoàn kiểm tra liên ngành sẽ tịch thu, lập biên bản và xử lý theo quy định.

Hạt Kiểm Lâm, do vậy, trực tiếp ảnh hưởng đến các xưởng xẻ thông qua các chính sách của UBND Huyện.

Chi Cục Kiểm Lâm

Chi Cục Kiểm Lâm có chức năng tư vấn cho Sở NN và PTNT xây dựng các văn bản pháp quy trong lĩnh vực bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, quản lý lâm sản trên địa bàn tỉnh. Thông qua Hạt Kiểm Lâm, Chi Cục Kiểm Lâm thực hiện các thông tư, quyết định của Bộ NN và PTNT về việc quản lý nguồn gốc lâm sản. Do vậy, Chi Cục Kiểm Lâm có ảnh hưởng đến hoạt động của các xưởng xẻ trên địa bàn tỉnh.

Chi Cục Lâm Nghiệp

Chi Cục Lâm Nghiệp làm nhiệm vụ xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách phát triển lâm nghiệp và quản lý quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Chi Cục Lâm Nghiệp cũng phần nào ảnh hưởng đến nguồn cung ứng gỗ nguyên liệu cho các xưởng xẻ.

Tại các tỉnh có rừng tự nhiên, ví dụ như Kon Tum và Quảng Bình, Chi Cục Lâm Nghiệp là đơn vị xây dựng phương án quy hoạch mạng lưới chế biến gỗ và lâm sản trên địa bàn tỉnh với sự tham mưu của UBND Huyện. Do vậy, Chi Cục Lâm Nghiệp ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại (mở thêm, giải thể hoặc di rời) của các xưởng xẻ.

Chi Cục Hải Quan cửa khẩu

Chi Cục Hải Quan cửa khẩu đóng vai trò kiểm tra và làm các thủ tục thông quan cho gỗ nhập khẩu và quá cảnh tại Việt Nam (kiểm hoá và mở tờ khai hải quan). Chi Cục Hải Quan cửa khẩu làm nhiệm vụ kiểm tra nguồn gốc, số lượng và chủng loại của tất cả các mặt hàng gỗ nhập khẩu vào Việt Nam do vậy ảnh hưởng đến xưởng xẻ thông qua nguồn nguyên liệu.

UBND Huyện

Trên cơ sở tham mưu/tư vấn của Hạt Kiểm Lâm, UBND Huyện xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản trên địa bàn huyện, và tham mưu cho Chi Cục Lâm Nghiệp trong quá trình xây dựng phương án quy hoạch mạng lưới chế biến gỗ và lâm sản trên địa bàn tỉnh. Những văn bản này được thực hiện thông qua UBND Xã phối hợp với các đơn vị chuyên ngành trên địa bàn. Ngoài ra, UBND Huyện còn là cơ quan để các hộ đến đăng ký kinh doanh do vậy UBND Huyện trực tiếp ảnh hưởng đến các xưởng xẻ.

Chi Cục Thuế

Chi Cục Thuế làm nhiệm vụ thu thuế từ các hộ gia đình xưởng xẻ có đăng ký hóa đơn và các công ty/xí nghiệp kinh doanh, chế biến lâm sản trên địa bàn huyện.

Sở NN và PTNT

Trên cơ sở tham mưu/tư vấn của Chi Cục Kiểm Lâm và Chi Cục Lâm Nghiệp, Sở NN và PTNT xây dựng phương án phát triển rừng, chế biến và bảo vệ lâm sản trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, Sở NN và PTNT còn giúp UBND Tỉnh thực hiện việc giao đất, giao rừng, kiểm tra công tác trồng rừng và bảo vệ rừng. Sở NN và PTNT là cơ quan cho phép mở cửa rừng và giao kế hoạch khai thác cho chủ rừng. Sở NN và PTNT gián tiếp ảnh hưởng đến nguồn cung ứng gỗ nguyên liệu đối với các xưởng xẻ trên địa bàn tỉnh.

Sở Kế Hoạch và Đầu Tư (KH và ĐT)

Sở KH và ĐT có chức năng cấp giấy phép thành lập công ty TNHH và doanh nghiệp tư nhân kinh doanh/chế biến lâm sản cũng như mở xưởng xẻ trên địa bàn tỉnh. Cụ thể, Sở KH&ĐT cấp giấy phép cưa xẻ gỗ cho các xưởng xẻ.

UBND Tỉnh

UBND Tỉnh có chức năng cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên, do đó có ảnh hưởng đến nguồn gỗ nguyên liệu của các xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên.

5.3.2. Cơ sở cung ứng nguyên liệu và lao động

Công ty lâm nghiệp

Các công ty lâm nghiệp có vai trò là chủ rừng được khai thác rừng tự nhiên trong nước theo chỉ tiêu hàng năm. Khi có chỉ tiêu khai thác, chủ rừng sẽ lập hồ sơ khai thác, trình Chi Cục Lâm Nghiệp kiểm định và Sở NN&PTNT phê duyệt. Sau khi hồ sơ được phê duyệt, chủ rừng sẽ tiến hành khai thác dưới sự giám sát của Chi Cục Kiểm Lâm (nghiệm thu, đóng búa). Lượng gỗ khai thác, một phần nhỏ được bán trực tiếp cho các xưởng xẻ hộ gia đình, phần lớn bán cho các công ty thương mại.

Doanh nghiệp nhập khẩu

Doanh nghiệp nhập khẩu thường mua gỗ tròn trực tiếp tại Lào, xẻ sơ chế (xẻ bóc bỏ 4 bía) thành gỗ hộp sau đó mới nhập khẩu về Việt Nam. Gỗ nhập khẩu từ Lào được phân thành 2 loại. Loại gỗ tốt như Hương, Trắc, Cẩm Lai, Gỗ được bán cho các làng nghề thông qua các xưởng xẻ. Loại gỗ tạp có chất lượng kém hơn được sử dụng để xẻ gỗ phục vụ các công trình xây dựng hoặc đồ mộc dân dụng.

Hộ gia đình trồng rừng

Đa phần các hộ gia đình trên địa bàn nghiên cứu được nhận đất lâm nghiệp để trồng rừng từ năm 1992. Hiện tại, trên diện tích đất này các hộ gia đình chủ yếu trồng keo. Theo khảo sát, tại Thôn 1 xã Tây Cốc, trung bình mỗi hộ gia đình trồng 1 ha rừng. Khi rừng đến tuổi khai thác, người dân thường bán rừng cho cơ sở khai thác với một mức giá nhất định (30-50 triệu đồng/ha tùy thuộc vào tuổi của rừng). Số lượng người dân tự khai thác thường rất ít. Trước khi khai thác rừng, hộ gia đình trồng rừng hoặc cơ sở khai thác sẽ làm đơn xin “thu mua và vận chuyển” gỗ và gửi đến UBND Xã. Sau khi được UBND Xã xác nhận, gỗ sẽ được khai thác và lập bảng kê lâm sản thông qua cán bộ kiểm lâm địa bàn.

Lao động trong xưởng xẻ

Tại Yên Bái và Phú Thọ, các hộ gia đình trên địa bàn có xưởng xẻ, không chỉ trồng rừng, mà còn đóng góp lao động vào các xưởng xẻ. Thông qua đó, các hộ gia đình có thêm nguồn thu để hỗ trợ kinh tế hộ gia đình. Tại Quảng Bình và Kon Tum, khoảng 80% lao động tại các xưởng xẻ là người địa phương, số còn lại đến từ các tỉnh khác. Mức độ an toàn lao động trong các xưởng xẻ quy mô hộ gia đình thường không cao.

Công nhân không được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động như kính bảo hộ, tai nghe chống ồn. Do máy móc tự lắp đặt hoặc sản xuất trong nước nên thiếu cơ cấu che chắn, bảo vệ, dễ gây tai nạn lao động, trong khi công nhân không được mua bảo hiểm. Hơn nữa, đường điện đến các xưởng xẻ hộ gia đình không đảm bảo an toàn, dễ gây cháy nổ, ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề an toàn lao động.

5.3.3. Cơ sở khai thác và trung gian mua bán

Cơ sở khai thác rừng trồng

Cơ sở khai thác là các công ty khai thác rừng hoặc thương nhân buôn bán gỗ. Những cơ sở này thường thỏa thuận với người dân để mua rừng hoặc gỗ vườn nhà sau đó gửi “đơn xin thu mua và vận chuyển” đến UBND Xã. Sau khi đơn được chấp thuận, những cơ sở này sẽ khai thác và bán gỗ cho các xưởng xẻ. Thông thường các cơ sở khai thác đều có xe để vận chuyển gỗ đến xưởng hoặc bán ở chợ đầu mối. Những xưởng xẻ có quy mô lớn đôi khi cũng mua rừng của dân rồi thuê những cơ sở này khai thác. Trong trường hợp này thì giá thành khai thác dao động trong khoảng 7-8 triệu đồng/ha rừng.

Trung gian mua bán

Trung gian mua bán thường là các công ty hoặc xưởng xẻ quy mô lớn có đăng ký hóa đơn. Những cơ sở này khi nhận được những đơn đặt hàng với số lượng lớn, trong một thời gian ngắn không sản xuất kịp, thường đến đặt hàng ở

những cơ sở sản xuất nhỏ rồi thu gom và bán trực tiếp cho cơ sở chế biến. Đối với phế liệu như mùn cưa và bìa bấp, trung gian đi thu gom rồi bán cho cơ sở chế biến dăm gỗ, bột giấy hoặc sử dụng để đốt lò.

5.3.4. Cơ sở chế biến, sản xuất đồ gỗ

Cơ sở sản xuất ván ghép thanh, kệ kê hàng

Cơ sở sản xuất ván ghép thanh là các công ty/doanh nghiệp hoặc xí nghiệp có xưởng sản xuất được trang bị máy móc để sản xuất ván ghép hoặc kệ kê hàng. Những cơ sở sản xuất có quy mô vừa, như doanh nghiệp tư nhân Đăng Khoa ở xã Báo Đáp, thường không đủ nguồn nguyên liệu để xẻ thanh phục vụ xưởng ván ghép. Những cơ sở này thường đặt hàng và thu mua ván ghép của các xưởng xẻ hộ gia đình trên các địa bàn lân cận. Nhiều cơ sở sản xuất ván ghép thanh và kệ kê hàng ở Hải Phòng, Hà Nội và Nam Định cũng đặt hàng từ các xưởng xẻ nằm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và Yên Bái.

Đại lý gỗ xây dựng

Khi ngành xây dựng phát triển, trong những năm 2009-2010, các công trình xây dựng tiêu thụ một lượng lớn gỗ làm cốt pha, xà gồ và cây chống. Phần lớn lượng sản phẩm này được bán cho công trình xây dựng thông qua một công ty trung gian hoặc các đại lý bán gỗ xây dựng.

Các cơ sở sản xuất đồ gỗ gia dụng

Các cơ sở sản xuất đồ gỗ gia dụng (giường, tủ, bàn, ghế) thông thường nằm trong các làng nghề. Tại Đuan Hùng, các cơ sở này nằm trong làng nghề Vân Du. Phần lớn sản phẩm trong làng nghề này được sản xuất từ gỗ xoan. Các cơ sở trong làng nghề thường mua gỗ rồi thuê các xưởng xẻ theo quy cách, thông thường chỉ xẻ thành ván. Từ ván xoan, các cơ sở trong làng nghề sản xuất giường và tủ, sau đó bán theo đơn đặt hàng.

Tại Yên Bái, một phần gỗ quế cũng được bán cho làng nghề Hữu Bằng để sản xuất giường, tủ. Một số xưởng xẻ thanh tại Trấn Yên xẻ nan giường và thang giường sau đó bán cho làng nghề Hữu Bằng.

Đối với gỗ rừng tự nhiên, các xưởng xẻ cũng nằm cạnh các làng nghề để cung cấp cho các cơ sở sản xuất đồ mỹ nghệ như các làng nghề Liên Hà, Đồng Kỵ và La Xuyên

Cơ sở sử dụng lò sấy và chế biến viên nén,

Các xưởng xẻ, sau khi xẻ gỗ, để lại một lượng lớn mùn cưa. Thông thường chiếm khoảng 7-10% lượng gỗ nguyên liệu. Mùn cưa được đóng bao và bán cho các cơ sở có lò sấy như cơ sở sản xuất đũa hoặc bán cho nhà máy sản xuất viên nén năng lượng để xuất khẩu.

Cơ sở chế biến dăm gỗ và bột giấy

Ngoài mùn cưa, bìa bấp cũng là phế liệu của các xưởng xẻ thanh. Tùy thuộc vào loại gỗ nguyên liệu và sản phẩm xẻ thanh lượng bìa bấp chiếm khoảng 28% đến 40% gỗ nguyên liệu. Đối với gỗ rừng trồng, lượng phế liệu này thường được bán cho các cơ sở sản xuất dăm gỗ hoặc bột giấy.

6. Các trường hợp nghiên cứu

6.1. Xưởng xẻ gỗ rừng trồng tại Phú Thọ và Yên Bái

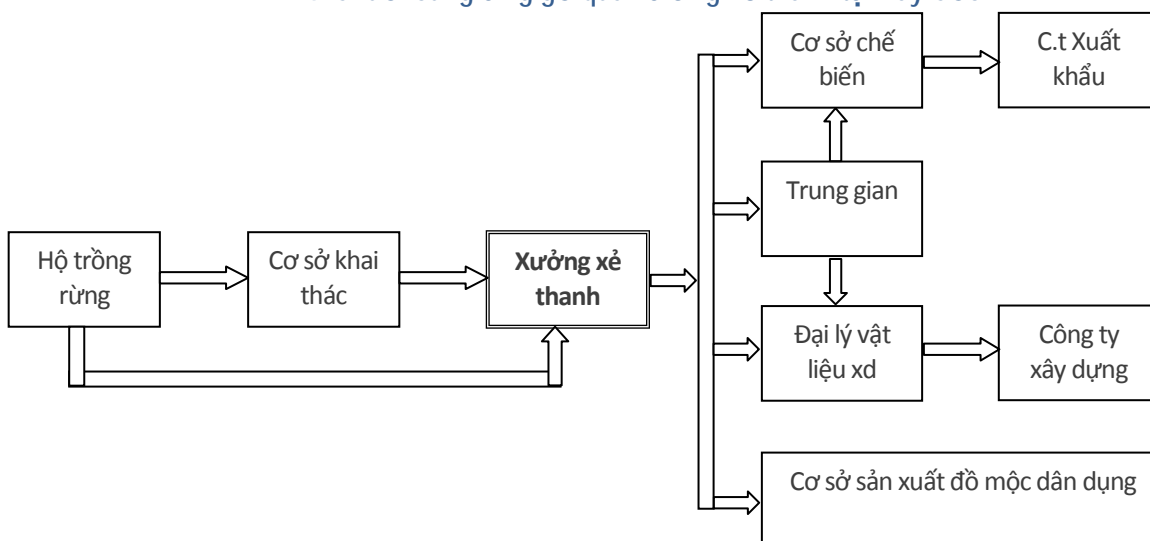
Nhìn chung các xưởng xẻ gỗ rừng trồng tại Yên Bái, Phú Thọ được chia thành 2 loại: xẻ thanh (hộp nhỏ) và xẻ ván. Hai loại xưởng này khác nhau về chủng loại nguyên liệu, sản phẩm đầu ra, thị trường tiêu thụ

6.1.1. Nguyên liệu và thị trường đầu ra

Do có sự khác biệt về nguyên liệu đầu vào, thị trường và sản phẩm đầu ra nên mỗi loại hình xưởng xẻ nằm trong một chuỗi cung ứng riêng. Khách hàng của xưởng xẻ thanh thường là các cơ sở sản xuất ván ghép thanh hoặc cơ sở sản xuất kệ kê hàng (pallet) trong khi đó khách hàng của các xưởng xẻ ván là các cơ sở sản xuất đồ gỗ nội thất và văn phòng.

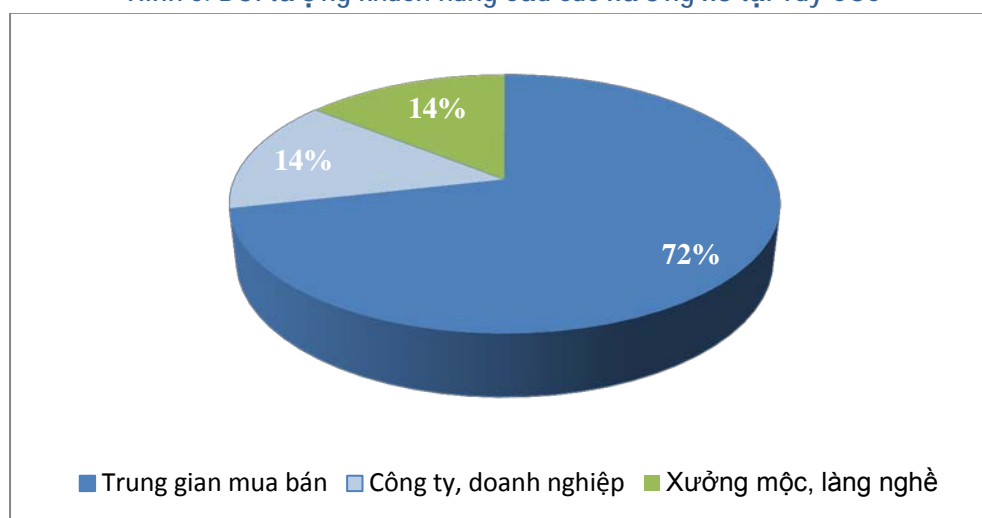
Chuỗi cung ứng gỗ xẻ thanh

Hình 4. Chuỗi cung ứng gỗ qua xưởng xẻ thanh tại Tây Cốc



Các xưởng xẻ thanh rất phổ biến trên địa bàn Huyện Đoan Hùng - Tỉnh Phú Thọ. Cụ thể ở xã Tây Cốc, có khoảng 30 xưởng thì chủ yếu là loại hình này. Nguyên liệu đầu vào của các xưởng xẻ thanh trên địa bàn Tây Cốc chủ yếu là keo, xoan và quế, trong đó keo chiếm 73%, xoan 21% và quế 6%. Thị trường của xưởng xẻ thanh tương đối đa dạng và phong phú. Sản phẩm của xưởng xẻ thanh có thể cung cấp cho các cơ sở chế biến sản xuất ván ghép thanh, sản xuất kệ kê hàng, cơ sở sản xuất dăm, bột giấy và viên nén năng lượng trong đó các cơ sở sản xuất dăm, bột giấy và viên nén năng lượng là các cơ sở tận dụng các loại phế liệu của xưởng xẻ thanh như bìa bấp và mùn cưa. Ngoài ra, xưởng xẻ còn cung cấp sản phẩm cho các đại lý gỗ xây dựng làm cây chống, xà gồ, cốp pha, gỗ ốp trần, gỗ ốp tường, và các cơ sở sản xuất đồ mộc làm nan giường, thang giường, chân giường, chân tủ (Hình 4). Tuy nhiên số lượng các xưởng bán trực tiếp cho các cơ sở chế biến và đại lý vật liệu xây dựng là rất ít vì không có xe ô tô vận chuyển. Thông thường các xưởng bán sản phẩm qua một cơ sở trung gian. Theo số liệu điều tra tại Tây Cốc thì chỉ có 14% số xưởng có thể bán trực tiếp cho các công ty hoặc doanh nghiệp chế biến lâm sản, còn lại phần lớn (72%) bán qua các cơ sở trung gian (Hình 5).

Hình 5. Đối tượng khách hàng của các xưởng xẻ tại Tây Cốc

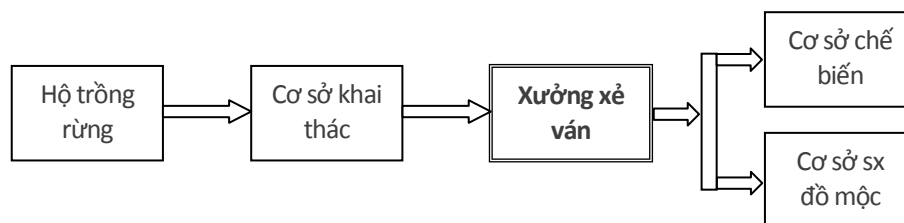


Chuỗi cung ứng gỗ xẻ ván

Các xưởng xẻ ván được hình thành để xẻ gỗ tròn thành các loại ván phục vụ các cơ sở đóng đồ mộc như giường, tủ, bàn và ghế. Loại hình xưởng này tập trung chủ yếu ở Vân Du. Vì chỉ xẻ thuê cho các cơ sở sản xuất, nên chuỗi cung

ứng qua xưởng xẻ ván tương đối đơn giản. Khách hàng và nguyên liệu đầu vào tương đối đồng nhất. Nguyên liệu gỗ đầu vào của xưởng xẻ ván tại Vân Du chủ yếu là gỗ xoan, chiếm 80%, 20% còn lại là bạch đàn, keo và các loại gỗ khác. Gỗ chủ yếu được nhập về từ các tỉnh Hà Giang, Lào Cai. Sản phẩm chính của các xưởng này là ván phục vụ các cơ sở sản xuất đồ mộc, còn mùn cưa được bán cho các cơ sở chế biến làm nguyên liệu đốt lò hoặc viên nén năng lượng (Hình 6).

Hình 6. Chuỗi cung ứng gỗ qua xưởng xẻ ván tại Vân Du



6.1.2. Hình thức mua bán

Các xưởng xẻ hộ gia đình thường mua bán trực tiếp, không có hợp đồng. Khi cung cấp sản phẩm cho các công ty thì mới có hợp đồng mùa bán. Khi mua nguyên liệu, chủ các xưởng xẻ đặt hàng qua điện thoại đến những cơ sở chuyên khai thác rừng. Các cơ sở khai thác sau khi thu gom đủ nguyên liệu sẽ chở đến xưởng xẻ theo đặt hàng. Một số ít trường hợp mua trực tiếp của người dân trên địa bàn xưởng xẻ hoạt động. Đối với sản phẩm đầu ra, xưởng xẻ bán sản phẩm theo yêu cầu của người mua, những yêu cầu này chỉ có hợp đồng mua bán khi người mua là một công ty đến đặt hàng. Còn những khách hàng là các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ, ví dụ các hộ sản xuất trong làng nghề, thì đến đặt hàng và trực tiếp giám sát quá trình xẻ quy cách.

6.1.3. Chi phí sản xuất

Giá nguyên liệu và sản phẩm

Giá nguyên liệu gỗ phục vụ các xưởng xẻ thanh tại Tây Cốc dao động tương đối lớn, phụ thuộc vào chủng loại và chất lượng nguyên liệu. Thông thường nguyên liệu gỗ keo có giá dao động từ 1,1 triệu đồng/m³ đến 1,4 triệu đồng/m³ (năm 2011-2012). Giá gỗ xoan dao động từ 2 triệu đến 2,5 triệu đồng/m³. Giá gỗ nguyên liệu tại Vân Du biến động từ 2 đến 5 triệu đồng/m³ tùy thuộc vào chu vi của khúc gỗ. Gỗ có chu vi 90-100 cm thường giá khoảng 5 triệu đồng/m³, gỗ có chu vi 50 cm có giá 2 triệu đồng/m³, chu vi 70-80 cm có giá 4 triệu đồng/m³. Các xưởng xẻ ở Vân Du đa phần làm công việc xẻ thuê nên không có giá sản phẩm đầu ra mà chỉ có giá xẻ gỗ, dao động trong khoảng 180-300 ngàn đồng/m³ gỗ tròn, tùy thuộc độ dày mỏng của ván.

Giá sản phẩm đầu ra cũng không cố định. Đối với sản phẩm gỗ xẻ giá dao động từ 2,1 đến 3,5 triệu đồng/m³ tùy thuộc vào quy cách sản phẩm và nguyên liệu đầu vào. Mùn cưa có giá từ 4 đến 7 ngàn đồng/bao (khoảng 15-20kg/bao) và giá bìa bấp khoảng 600-650 đồng/kg.

Chi phí lao động

Lao động trong các xưởng xẻ gỗ rừng trồng thường là người địa phương, được chia thành 2 loại: lao động chính và lao động phụ. Lao động chính trong xưởng xẻ là lao động trực tiếp đứng máy để xẻ theo quy cách được yêu cầu. Lao động phụ thường làm những công việc đơn giản hơn như cắt khúc, bóc vỏ, bó củi và bó sản phẩm gỗ xẻ. Trong xưởng xẻ, có hai hình thức trả lương: trả theo ngày công hoặc khoán theo sản phẩm. Lương khoán thường khoảng 100-120 ngàn/m³ gỗ. Lương trả theo ngày công dao động từ 80-150 ngàn/ngày. Tính trung bình, lương của công nhân trong xưởng xẻ dao động từ 2 đến 3 triệu đồng/tháng.

Các xưởng xẻ ván không thuê nhiều công nhân, mỗi xưởng chỉ thuê từ 1 đến 2 người để đẩy máy. Người làm thuê trong xưởng có thể được trả lương theo giờ (20 ngàn đồng/giờ) hoặc lương theo ngày công khoảng 150-200 ngàn đồng/ngày.

Bảng 3: Chi phí sản xuất gỗ xẻ tại Tây Cốc¹²

Hạng mục	Chi phí (ngàn đồng/m ³)
Giá nguyên liệu đầu vào	1.109
Giá bán 1m ³ gỗ tròn	1.561
Chi phí nguyên liệu đầu vào	
Nguyên liệu trồng rừng (keo)	273
Lao động trồng, chăm sóc rừng	636
Khai thác rừng	127
Vận chuyển gỗ đến xưởng	72
Chi phí trong xưởng xẻ	
Lương công nhân	125
Điện	13
Khấu hao	10
Thuế	3
Bảo dưỡng	5
Lợi nhuận của chủ xưởng	297

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

Đối với gỗ rừng trồng, cây keo được chọn để hạch toán kinh tế và tính toán chi phí của 1 m³ gỗ xẻ thanh. Chi phí được hạch toán từ giai đoạn trồng rừng đến sản phẩm đầu ra của xưởng xẻ. Đối với trường hợp tại Tây Cốc, chi phí được tính toán cho sản phẩm gỗ keo từ rừng trồng đến sản phẩm đầu ra của xưởng xẻ hộ gia đình. Vì gỗ keo trong xưởng xẻ tại Tây Cốc, đa phần được nhập từ các tỉnh lân cận, do vậy chi phí được tính cho gỗ keo trồng tại Yên Bái và bán tại các xưởng xẻ ở Tây Cốc.

Với giá nhập gỗ nguyên liệu năm 2011 là 1.109 ngàn đồng/m³ gỗ keo (gỗ tròn), lợi nhuận của chủ xưởng xẻ thanh tại Tây Cốc là 297 ngàn đồng, chiếm 18% doanh thu. Mỗi m³ gỗ tròn sau khi xẻ, chủ xưởng thu được 1.561 ngàn đồng từ gỗ xẻ, mùn cưa và củi. Trong đó lương công nhân là 125 ngàn đồng/m³ bằng 8% doanh thu. Công lao động trồng và chăm sóc rừng của hộ trồng rừng là 636 ngàn đồng/m³, chiếm khoảng 40% và chi phí trồng rừng keo hết 273 ngàn đồng/m³ (chiếm 17,5% doanh thu). Chi phí vận chuyển và khai thác rừng chiếm 12,7% (199 ngàn đồng/m³). Các khoản chi phí khác như bảo dưỡng, thuế, khấu hao, điện chiếm không quá 1% mỗi khoản. Người lao động trong xưởng nhận được 125 ngàn đồng/m³ gỗ tròn và hộ trồng rừng nhận được 636 ngàn đồng/m³ gỗ tròn (Bảng 3).

Theo tính toán chi phí xẻ một m³ gỗ tròn, các hộ gia đình trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng nhận được phần nhiều nhất so với chủ xưởng và người làm thuê. Tuy nhiên nếu phân bổ đều khoản chi phí này cho 5-7 năm trồng rừng, thì thu nhập người trồng rừng nhận được cũng chỉ tương đương với lương công nhân lao động trong xưởng (khoảng hơn 100 ngàn đồng/m³ gỗ tròn/năm).

6.2. Xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên

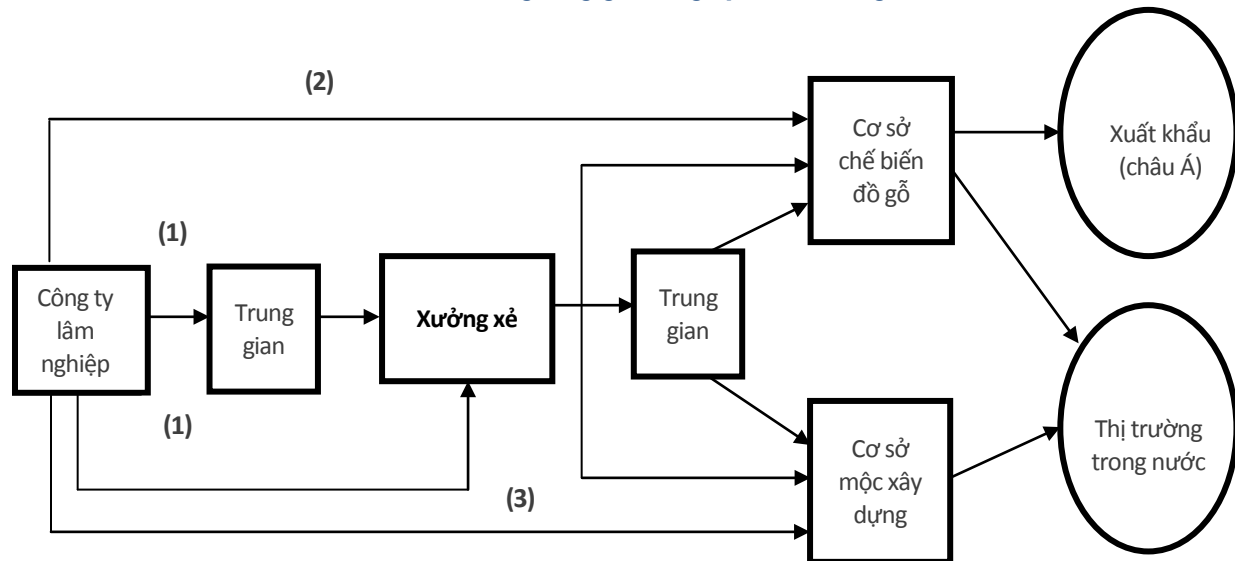
Xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên được chia thành 2 loại theo nguồn nguyên liệu: gỗ rừng tự nhiên trong nước và gỗ nhập khẩu. Hai trường hợp nghiên cứu này được thực hiện tại Kon Tum và Quảng Bình.

¹² Vì nghiên cứu tập trung vào các xưởng xẻ quy mô hộ gia đình, do vậy chi phí của gỗ xẻ được tính cho các xưởng quy mô hộ gia đình.

6.2.1. Nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ

Nguồn gỗ trong nước

Hình 7. Chuỗi cung ứng gỗ rừng tự nhiên trong nước



Gỗ rừng tự nhiên trong nước chủ yếu được cung cấp bởi các công ty lâm nghiệp. Đây là các đơn vị được phép khai thác theo chỉ tiêu hàng năm hoặc theo gỗ tận thu, do Bộ NN & PTNT hoặc/và UBND Tỉnh quy định. Hàng năm sản lượng gỗ khai thác từ rừng tự nhiên của cả nước trung bình khoảng 200-300 ngàn m³ gỗ/năm¹³. Trong đó, Kon Tum khai thác khoảng 15-23 ngàn m³/năm, Quảng Bình khai thác khoảng 18-20 ngàn m³/năm. Sản lượng gỗ này chủ yếu bao gồm gỗ khai thác theo chỉ tiêu và gỗ tận thu¹⁴.

Gỗ sau khi được các công ty lâm nghiệp khai thác được phân phối theo ba kênh: (1) kênh phân phối đến xưởng xẻ, (2) kênh phân phối đến cơ sở sản xuất đồ gỗ nội thất, văn phòng, và (3) kênh phân phối đến cơ sở sản xuất đồ gỗ phục vụ ngành xây dựng (Hình 7):

- (1) Kênh phân phối gỗ trực tiếp đến các xưởng xẻ hoặc qua trung gian buôn bán gỗ¹⁵. Tại đây, gỗ được xẻ và cung cấp cho các cơ sở chế biến đồ gỗ và các cơ sở mộc xây dựng. Sản phẩm đầu ra của các xưởng xẻ nhỏ bao gồm gỗ hộp và ván xẻ với quy cách theo yêu cầu của đơn đặt hàng và yêu cầu về kích thước của sản phẩm mộc. Quy cách sản phẩm gỗ xẻ khá đa dạng bao gồm cột kèo, tấm la phong, trần nhà, pallet, đến các sản phẩm có quy cách đặc biệt như sập, thuyền. Về thị trường tiêu thụ, đối tượng khách hàng của các xưởng xẻ trên địa bàn hai tỉnh Quảng Bình và Kon Tum là các làng nghề phía Bắc, cơ sở chế biến đồ gỗ, đồ mộc xây dựng trên toàn quốc và các xưởng đóng tàu thuyền tại Quảng Bình.
- (2) Kênh phân phối trực tiếp hoặc qua trung gian đến các cơ sở/nhà máy chế biến đồ gỗ. Các cơ sở này thường có xưởng xẻ riêng để chuyển đổi gỗ tròn thành gỗ xẻ. Đồ gỗ sản xuất ra nhằm phục vụ thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu (châu Á, chủ yếu là Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan).
- (3) Kênh trực tiếp hoặc qua trung gian đến các cơ sở/nhà máy chế biến sản phẩm gỗ xây dựng (Ví dụ như cột, kèo, xà gồ, cốt pha, ván sàn, cửa, cửa sổ, cầu thang) hoặc các cơ sở đóng tàu biển. Đồ gỗ xây dựng và gỗ sơ chế phục vụ ngành đóng tàu được tiêu thụ trên thị trường nội địa.

Bên cạnh nguồn gỗ khai thác theo chỉ tiêu, một trong những nguồn gỗ của các xưởng xẻ nhỏ là gỗ tịch thu phát mại. Do số lượng không nhiều nên các xưởng xẻ lớn thường bỏ qua.

¹³ Tổng cục lâm nghiệp

¹⁴ Gỗ tận dụng từ dự án và các công trình chuyển đổi

¹⁵ Trung gian buôn bán gỗ thường là các công ty thương mại

Nguồn gỗ nhập khẩu từ Lào

Gỗ từ Lào được nhập khẩu qua các cửa khẩu Nậm Cắn (Nghệ An), Cầu Treo (Hà Tĩnh), Cha Lo (Quảng Bình), Lao Bảo (Quảng Trị), Bờ Y (Kon Tum). Đa số gỗ tự nhiên nhập khẩu từ Lào đã được xẻ hộp, chỉ một số lượng nhỏ gỗ nhập khẩu là gỗ tròn.

Trong năm 2011, kim ngạch nhập khẩu gỗ từ Lào về Việt Nam là 314 triệu US\$, chiếm 23% tổng kim ngạch nhập khẩu gỗ của Việt Nam (Cục Xuất Nhập Khẩu – Bộ Công Thương, 2012). Một phần gỗ nhập khẩu từ Lào về Việt Nam được lưu thông trên thị trường nội địa qua ba kênh tương tự như trong chuỗi cung ứng gỗ rừng tự nhiên trong nước (Hình 7), phần còn lại là gỗ tạm nhập và tái xuất sang nước thứ ba.

6.2.2. Chi phí sản xuất

Giá gỗ nguyên liệu và giá xẻ gỗ

Giá gỗ nguyên liệu tại các xưởng xẻ giao động tương đối lớn, phụ thuộc chủ yếu vào chủng loại và chất lượng gỗ. Giá gỗ nhóm I, II và III có giá 10-12 triệu đồng/m³, nhóm V đến nhóm VIII có giá 4-5 triệu đồng/m³. Giá gỗ tại xưởng xẻ so với công ty lâm nghiệp thường cao hơn khoảng 1-2 triệu đồng/m³. Trong khi đó, so với giá gỗ tại công ty nhập khẩu, giá gỗ tại xưởng xẻ thường cao hơn 4-8 triệu đồng/m³ (Phụ lục). Chủ các xưởng xẻ làm nhiệm vụ buôn gỗ là chính, trang bị máy cưa để xẻ thuê cho khách hàng đến mua gỗ. Giá thuê xẻ tại Kon Tum và Quang Bình là 500 ngàn đồng/m³ đối với ván quy cách và 200 ngàn đồng/m³ đối với gỗ xẻ hộp.

Chi phí lao động

Số lượng công nhân trong xưởng chủ yếu phụ thuộc vào số lượng máy cưa vòng nằm trong xưởng. Thông thường mỗi máy cưa vòng nằm (cưa CD) cần 3-5 công nhân tham gia trực tiếp trong đó gồm: 01 thợ chính cầm chỉnh và đẩy cưa, 01 thợ phụ đẩy cưa và 01-03 thợ phụ hỗ trợ việc cắt khúc, vận chuyển đưa gỗ vào vị trí. Tại hai tỉnh khảo sát là Kon Tum và Quảng Bình, số lượng công nhân tham gia xẻ tại các xưởng xẻ hộ gia đình thường không quá 10 người vì mỗi xưởng thường chỉ có 1 hoặc 2 chiếc cưa vòng nằm. Để tiết kiệm chi phí, chủ xưởng hoặc một công nhân xẻ thường kiêm luôn phần việc này. Các công việc phụ như sắp gỗ, cắt khúc thường được các công nhân trong xưởng thay nhau kiêm nhiệm.

Xưởng xẻ chỉ có đủ công nhân để hoạt động hết công suất trong thời gian 6 tháng mùa khô. Trong những tháng mùa mưa, lượng nguyên liệu từ các nguồn hạn chế, số lượng công nhân xẻ của các xưởng chỉ còn khoảng 4-6 người. Thậm chí, tại một số xưởng nhỏ nằm ở các xã vùng sâu, số lượng công nhân luôn chỉ ở mức 1-2 người/xưởng, trong đó một người là chủ xưởng.

Lao động tham gia hoạt động cưa xẻ tại các xưởng xẻ nhỏ thường là lao động phổ thông. Tại Quảng Bình, công nhân làm việc trong các xưởng xẻ chủ yếu là người dân trong tỉnh, chỉ có một số trường hợp các xưởng kết hợp làm đờ mịch dân dụng, người lao động có tay nghề có thể được tuyển dụng từ các tỉnh lân cận. Trong khi đó tại Kon Tum, xuất xứ của người lao động tại các xưởng xẻ đa dạng hơn, có thể là người trong tỉnh hoặc từ các tỉnh khác.

Các xưởng xẻ hộ gia đình thường ký kết hợp đồng thời vụ dưới 3 tháng với người lao động. Tại một số xưởng, hình thức thỏa thuận miệng giữa chủ xưởng và người lao động được sử dụng thay cho hợp đồng lao động. Những thỏa thuận này không ràng buộc về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế hay những lợi ích mà người lao động phải được hưởng theo Luật Lao Động của Việt Nam.

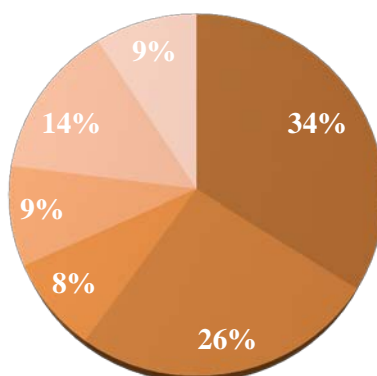
Tại các xưởng khảo sát, hình thức trả lương khoán theo sản phẩm hoặc trả công lao động theo ngày công được áp dụng phổ biến. Với công suất thực tế xẻ 7-8 m³ gỗ tròn/tổ xẻ/ngày đối với gỗ xẻ quy cách và 20 m³ gỗ tròn/tổ xẻ/ngày đối với gỗ hộp xẻ thô, mức lương trung bình của công nhân thường dao động trong khoảng 4-5 triệu đồng/tháng. Về an toàn lao động, đa số máy móc của các xưởng xẻ quy mô nhỏ là máy cũ hoặc tự chế, do vậy không được trang bị đầy đủ thiết bị an toàn (như dao tách, cơ cấu che chắn bảo vệ) và tài liệu hướng dẫn. Ngoài ra, qua trao đổi và quan sát tại các xưởng, 100% công nhân chưa từng tham gia một khóa huấn luyện dạy nghề về sử dụng cưa và an toàn lao động trong quá trình vận hành cưa. Mọi thao tác vận hành cưa chủ yếu dựa trên kinh nghiệm của người thợ chính. Do đó rủi ro về chất lượng sản phẩm cũng như rủi ro về an toàn lao động tương đối cao. Việc trang bị những thiết bị

an toàn lao động như bình cứu hỏa cũng chỉ mang tính chất đối phó các cơ quan chức năng, hầu hết các chủ xưởng đều chưa có ý thức về việc trang bị đầy đủ cũng như xây dựng hướng dẫn sử dụng vận hành các thiết bị này.

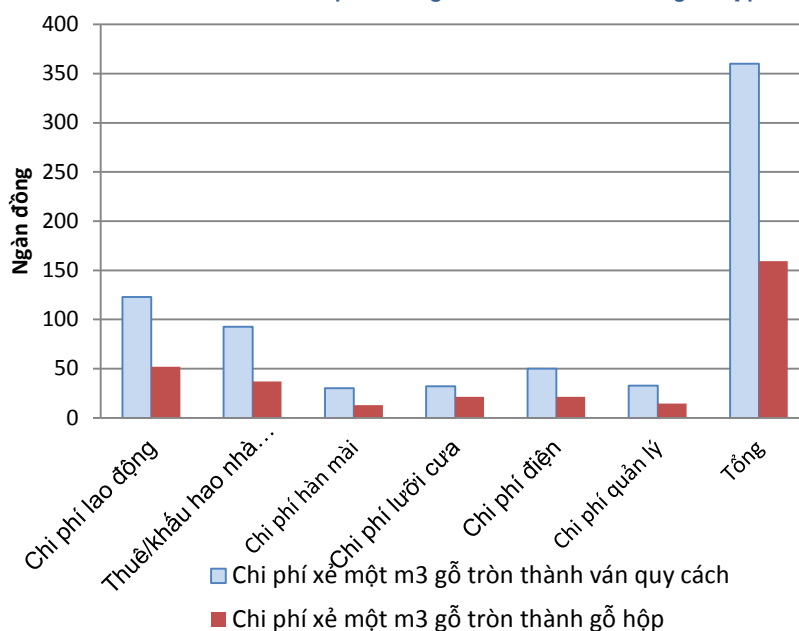
Chi phí xẻ

Hình 8. Cơ cấu xẻ 1 m³ gỗ tròn sang gỗ xẻ quy cách

- Chi phí lao động
- Thuê/khấu hao máy móc, nhà xưởng
- Chi phí hàn mài
- Chi phí lưới cửa
- Chi phí điện
- Chi phí quản lý



Hình 9. So sánh chi phí trung bình xẻ ván và xẻ gỗ hộp



Trong tổng chi phí xẻ, phần chi phí lớn và quan trọng nhất là chi phí trả công cho người lao động trong quá trình xẻ. Chi phí này chiếm khoảng 34% trong toàn bộ chi phí xẻ gỗ (Hình 8). Tiếp đến là các loại chi phí khấu hao và thuê máy móc nhà xưởng, chiếm 26% trong tổng chi phí. Cơ cấu các loại chi phí xẻ 1 m³ gỗ tròn được thể hiện trong Hình 9, so sánh giữa chi phí trung bình xẻ 1 m³ gỗ tròn sang ván xẻ và chi phí trung bình xẻ 1 m³ gỗ tròn sang gỗ hộp. Chi phí xẻ gỗ cũng phụ thuộc vào quy cách ván xẻ. Các sản phẩm gỗ xẻ có thể chia thành hai nhóm sản phẩm lớn: gỗ xẻ ván và gỗ xẻ hộp.

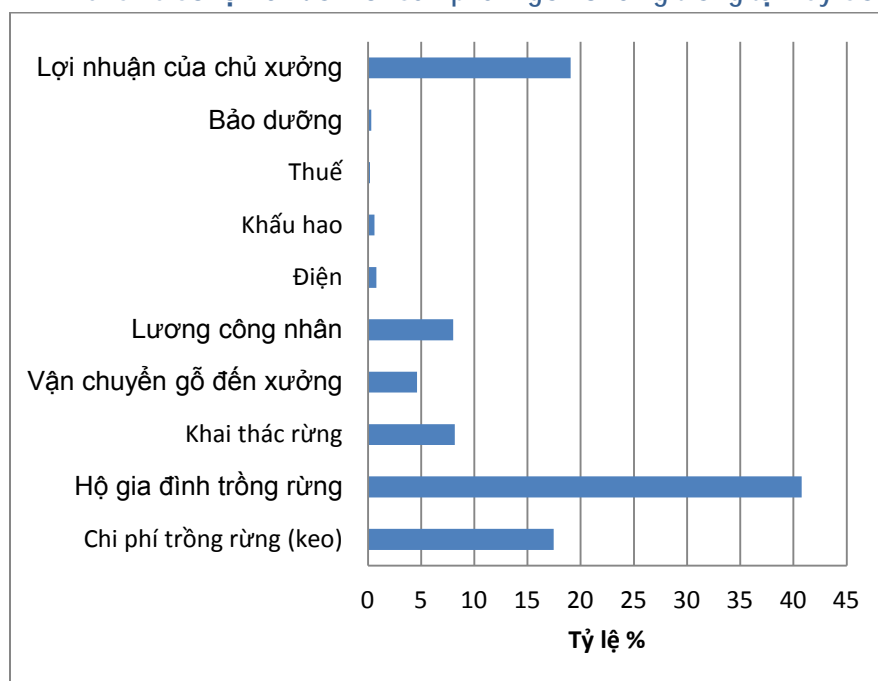
7. Tác động kinh tế, xã hội và môi trường

Các xưởng xẻ hình thành đã phần nào thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển, tạo động lực để phát triển kinh tế rừng. Tuy nhiên sự hình thành của ngành kinh tế này cũng gây ra một số ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội và môi trường. Những ảnh hưởng này, cả tích cực lẫn tiêu cực, có thể phân loại thành tác động kinh tế, tác động xã hội và tác động tài nguyên-môi trường.

7.1. Tác động kinh tế

Đối với chính quyền, các xưởng xẻ đóng góp cho ngân sách hàng năm của UBND Xã thông qua lệ phí¹⁶ và thuế môn bài. Tại Tây Cốc, Đuan Hùng, Phú Thọ ngân sách của UBND xã năm 1999-2000 khoảng 800-900 triệu đồng, đến năm 2012 ngân sách xã tăng lên 2,3 tỷ đồng. Theo nhận định của UBND Xã Tây Cốc, các xưởng xẻ trên địa bàn đóng góp khoảng 10% khoản tăng ngân sách trong giai đoạn 2000-2012. Đối với các xã ở Quảng Bình và Kon Tum, tỷ lệ này thấp hơn ở Yên Bái và Phú Thọ vì các tỉnh này có nguồn thu từ các loại cây công nghiệp như cao su, cà phê.

Hình 10. Chia sẻ lợi ích đối với sản phẩm gỗ xẻ rừng trồng tại Tây Cốc



Đối với kinh tế hộ gia đình, các xưởng xẻ đã tạo thêm việc làm cho người dân, thông qua đó, tăng thu nhập kinh tế hộ gia đình. Thông thường, mỗi người lao động làm thuê trong xưởng xẻ gỗ rừng trồng có thu nhập từ 2,5 đến 3 triệu đồng/tháng, xưởng xẻ gỗ rừng tự nhiên lương trung bình từ 4 đến 5 triệu/tháng. Xưởng xẻ đã tạo cơ hội để tăng thêm thu nhập cho các hộ gia đình ở nông thôn.

Một hộ gia đình, nếu có một người làm thuê trong xưởng xẻ, ngoài chăn nuôi và làm ruộng, trong vòng 8 tháng, có thu nhập thêm khoảng 20 triệu đồng. Trên địa bàn xã Tây Cốc, năm 2012 có khoảng 30 xưởng xẻ, 1.400 hộ gia đình. Trung bình mỗi xưởng xẻ thuê khoảng 5 công nhân. Như vậy khoảng 10% số hộ gia đình tại Tây Cốc có thu nhập thêm từ xưởng xẻ.

Ngoài ra, các xưởng xẻ còn tạo nên nhu cầu mua gỗ rừng trồng, khuyến khích các hộ gia đình có đất lâm nghiệp trồng rừng để tăng thu nhập cho hộ gia đình. Theo khảo sát, trên địa bàn xã Tây Cốc, công lao động và chăm sóc rừng của các hộ trồng rừng chiếm khoảng 40% giá trị nguyên liệu, trong khi thu nhập của chủ xưởng chỉ chiếm 18% (Hình 10).

¹⁶ Lệ phí là chi phí xưởng xẻ hộ gia đình phải đóng cho UBND xã hàng tháng để đảm bảo sự ổn định trong quá trình sản xuất.

Các hộ gia đình có nguồn thu nhập từ rừng trồng đã tích cực chuyển đổi sang trồng cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao hơn. Nhiều hộ gia đình tại Tây Cốc đã chuyển đổi sang trồng keo thay thế cho bạch đàn vì keo có giá trị kinh tế cao hơn. Qua đó, thị trường thuê lao động khai thác rừng và trồng rừng xuất hiện trên địa bàn các tỉnh. Mỗi người lao động tham gia trồng rừng và khai thác rừng tại Yên Bái và Phú Thọ được trả từ 80 đến 150 ngàn đồng/ngày công. Đây cũng là nguồn thu thêm cho kinh tế hộ gia đình, gián tiếp được hưởng lợi từ các xưởng xẻ trên địa bàn tỉnh có rừng trồng.

Mặc dù các xưởng xẻ phát triển đã góp phần không nhỏ vào kinh tế hộ gia đình và kinh tế địa phương, nhưng sự phát triển của những xưởng này cũng gây ảnh hưởng tiêu cực đến cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh. Các xưởng xẻ phát triển đã tạo nhu cầu vận chuyển gỗ nguyên liệu và gỗ thành phẩm. Xe tải chở hàng cho các xưởng xẻ, do thường xuyên chở quá tải, đã gây ảnh hưởng xấu đến các tuyến đường liên xã, liên huyện, làm giảm tuổi thọ của đường. Những tuyến đường vận chuyển vào rừng để khai thác và chuyên chở cũng dễ bị phá vỡ cấu trúc vì chưa được cứng hóa¹⁷.

7.2. Tác động xã hội

Một trong những tác động xã hội dễ dàng nhận thấy đó là các xưởng xẻ phát triển đã tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Tuy nhiên, khi nhu cầu của thị trường tăng cao dẫn đến hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, gây mất trật tự an ninh nông thôn (Hộp thoại 1).

Ngoài ra, xe tải, khi bốc dỡ gỗ nguyên liệu cũng như gỗ thành phẩm, nếu đổ dọc đường, có thể gây cản trở các phương tiện lưu thông trên địa bàn xã. Hiện tượng này không thường xuyên xảy ra vì mật độ xe lưu thông trên địa bàn các xã ở vùng nông thôn thường không cao.

Các xưởng xẻ có quy mô lớn, thường nằm xa khu dân cư, bên cạnh đường tỉnh lộ. Do vậy, tiếng ồn do các xưởng gây ra không ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống của người dân địa phương. Chỉ có một số xưởng nhỏ quy mô hộ gia đình nằm trong khu dân cư gây ô nhiễm tiếng ồn. Tuy nhiên, ở các xã vùng nông thôn, mật độ các hộ gia đình thưa thớt, không sống tập trung nên ô nhiễm tiếng ồn cũng không gây mâu thuẫn giữa các hộ gia đình.

Hộp thoại 1: Tác động của xưởng xẻ đến xã hội và môi trường

"Nếu các xưởng xẻ cạnh tranh không lành mạnh, tranh mua tranh bán sẽ dẫn đến tình trạng mất trật tự an ninh nông thôn"

"Tác động tiêu cực của các xưởng xẻ rừng trồng là trồng rừng không theo quy hoạch, khai thác non dẫn đến giảm độ che phủ rừng, ảnh hưởng đến nguồn nước."

Nguồn: Phỏng vấn tại Chi Cục Lâm Nghiệp Yên Bái

7.3. Tác động đến tài nguyên môi trường

Sự gia tăng nhu cầu mua nguyên liệu gỗ rừng trồng do xưởng xẻ tạo ra đã ảnh hưởng tích cực đến lợi ích của các hộ gia đình trồng rừng trên địa bàn các tỉnh như Yên Bái, Phú Thọ. Những ảnh hưởng này đã thúc đẩy quá trình phát triển rừng trồng trên địa bàn tỉnh. Diện tích rừng trồng mới ở nhiều tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc, do vậy đã tăng đáng kể trong những năm gần đây. Cụ thể, diện tích rừng trồng tập trung trên địa bàn tỉnh Yên Bái, theo niên giám thống kê năm 2011, đã tăng từ 5,2 ngàn ha năm 2005 đến 14,8 ngàn ha năm 2010. Tại Phú Thọ, diện tích rừng trồng mới duy trì ở mức 6-7 ngàn ha/năm. Ngoài ra, diện tích rừng trồng ở các địa phương lân cận như Hà Giang, Bắc Cạn, Lào Cai và Tuyên Quang, nơi cung cấp nguyên liệu cho các xưởng xẻ gỗ rừng trồng, cũng gia tăng với tỷ lệ lớn và duy trì ở mức cao (Bảng 4). Thông qua đó, các xưởng xẻ gián tiếp ảnh hưởng tích cực đến môi trường tự nhiên.

¹⁷ Đường chưa được rải nhựa hoặc bê tông

Tuy nhiên, nếu các hộ trồng rừng không theo quy hoạch và khai thác non thì sẽ có ảnh hưởng không tốt đến môi trường, ví dụ ảnh hưởng đến độ che phủ rừng và nguồn nước (Hộp thoại 1).

Bảng 4: Diện tích rừng trồng tập trung tại một số tỉnh

Đơn vị: '000 ha

Tỉnh	2005	2008	2009	2010	2011
Hà Giang	6,9	6,0	16,1	15,6	8,0
Bắc Kạn	2,0	4,6	5,3	9,7	14,0
Tuyên Quang	3,8	11,4	14,8	15,6	15,0
Lào Cai	2,0	4,5	7,5	8,6	5,8
Yên Bái	5,2	9,1	14,1	14,2	14,8
Phú Thọ	8,4	6,9	4,9	6,9	5,8

Nguồn: Niên Giám Thống Kê năm 2011

Đối với gỗ rừng tự nhiên, các xưởng xẻ đóng vai trò làm cầu nối giữa nguồn gỗ khai thác từ rừng với các xưởng chế biến mộc dân dụng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của các hộ gia đình. Trong khi thói quen của các hộ gia đình người Việt Nam, đặc biệt là các gia đình truyền thống, thường sử dụng đồ gỗ làm từ gỗ rừng tự nhiên. Điều này đã kích thích sự gia tăng nhu cầu gỗ nguyên liệu từ rừng tự nhiên, gián tiếp thúc đẩy tình trạng phá rừng trái phép, ảnh hưởng xấu đến diện tích và tính đa dạng sinh học của rừng tự nhiên, từ đó tạo áp lực đối với công tác quản lý rừng ở Việt Nam và Lào.

8. Ý nghĩa đối với FLEGT/VPA

Trong những năm gần đây, những yêu cầu về tính pháp lý của gỗ trên thị trường quốc tế ngày càng tăng ví dụ như đạo luật Lacey của Hoa Kỳ, đạo luật về gỗ hợp pháp của Australia, Chương trình FLEGT (Tăng cường Thực thi Luật Lâm nghiệp, Quản trị rừng và Thương mại gỗ) và những quy định về gỗ hợp pháp của Liên minh Châu Âu. Những quy định mới này được xây dựng nhằm ngăn chặn các sản phẩm được sản xuất từ nguồn gỗ khai thác trái phép vào thị trường Hòa Kỳ, Úc và Châu Âu. Do vậy, sản phẩm gỗ khi xuất khẩu sang các thị trường này cần phải chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của gỗ nguyên liệu. Để làm được điều này tất cả các cơ sở từ khai thác đến chế biến, trong đó có xưởng xẻ, phải tuân thủ các thủ tục pháp lý để đảm bảo sản phẩm bán ra là hợp pháp.

Hiện tại, chính phủ Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) đang đàm phán Hiệp định đối tác tự nguyện (VPA) trong khuôn khổ FLEGT. Hai trong các yếu tố quan trọng của Hiệp định là Định nghĩa về gỗ Hợp pháp (TLD) và Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (TLAS). Trong đó, định nghĩa gỗ hợp pháp được xây dựng dựa trên cơ sở pháp luật của Việt Nam kết hợp tham vấn các bên liên quan như các doanh nghiệp thương mại, cơ sở khai thác, chế biến, và cộng đồng địa phương. TLAS là hệ thống truy xuất nguồn gốc gỗ từ công đoạn khai thác, nhập khẩu qua vận chuyển, chế biến, kinh doanh đến khi sản phẩm gỗ được bán ra thị trường. Vì định nghĩa gỗ hợp pháp và hệ thống TLAS được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Việt Nam nên sau khi VPA được ký kết và thực thi, định nghĩa gỗ hợp pháp và hệ thống TLAS sẽ được áp dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam đối với tất cả các cơ sở trồng rừng, khai thác rừng, nhập khẩu, vận chuyển, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu. Cho dù các xưởng xẻ gỗ hộ gia đình không trực tiếp tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm xuất khẩu sang châu Âu, nhưng sau khi Việt Nam và EU ký kết hiệp định VPA, các xưởng xẻ hộ gia đình cũng sẽ phải tuân thủ theo định nghĩa gỗ hợp pháp và hệ thống TLAS. Trong trường hợp chưa sẵn sàng để tuân thủ những quy định mới, các xưởng xẻ hộ gia đình sẽ là nhóm chịu tác động mạnh của những thỏa thuận này.

8.1. Tính hợp pháp của xưởng xẻ hộ gia đình

Các xưởng xẻ hộ gia đình, hiện tại đa phần chỉ đăng ký kinh doanh dưới loại hình hộ gia đình kinh doanh cá thể và nộp thuế ở UBND Xã không có con dấu và thông thường không có hóa đơn. Theo dự thảo 6 về định nghĩa gỗ hợp pháp

phục vụ hiệp định VPA, nguyên liệu gỗ của các cơ sở chế biến cần phải có hóa đơn để chứng minh tính hợp pháp của nguyên liệu đầu vào trong khi xưởng xẻ là khâu trung gian để chuyển gỗ nguyên liệu từ dạng tròn sang dạng ván, hộp hoặc thanh và cung cấp cho một cơ sở chế biến khác. Nếu xưởng xẻ hộ gia đình không cung cấp hóa đơn GTGT thì nguyên liệu đầu vào của các cơ sở mua gỗ từ xưởng xẻ là gỗ bất hợp pháp. Do vậy, trước khi thực hiện VPA, tất cả các xưởng xẻ quy mô hộ gia đình sẽ phải đăng ký kinh doanh để có hóa đơn theo điều 24, 25 Luật Doanh Nghiệp năm 2005 và các quy định trong Nghị Định 43/2010/NĐ-CP. Nếu không, sản phẩm của các xưởng xẻ hộ gia đình sẽ trở thành bất hợp pháp vì không đủ chứng từ cho các sản phẩm bán ra.

Một số xưởng xẻ hộ gia đình đăng ký hóa đơn hoặc liên doanh với một công ty khác, nhưng vẫn chưa hoàn toàn tuân thủ. Trên thực tế, các xưởng thường thương thảo với khách hàng của mình với hai mức giá: giá có hóa đơn GTGT cùng với các giấy tờ hợp pháp để lưu thông và giá không có hóa đơn GTGT cùng các giấy tờ khác. Khách hàng ở các tỉnh xa thường chấp nhận giá cao hơn để đủ giấy tờ hợp pháp phục vụ công việc vận chuyển. Những khách hàng ở gần hoặc là những cá nhân, hộ gia đình chỉ mua khối lượng sản phẩm nhỏ thường không lấy hóa đơn để có mức giá rẻ hơn.

Bảng 5: Những quy định về tính hợp pháp của gỗ cho các cơ sở chế biến hộ gia đình

1. Tính hợp pháp của cơ sở chế biến	Văn bản tham chiếu
1.1 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp;	a) Điều 24, 25, Luật doanh nghiệp 2005; b) các Điều 5, 6, 10, 11 Nghị Định 43/2010/NĐCP.
1.2. Văn bản chấp nhận bản cam kết bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã;	c) Điều 29, 32, 33 Nghị định số 29/NĐ-CP;
1.3. Đảm bảo các quy định về phòng cháy, chữa cháy.	d) Điều 9, 16, 17 Nghị Định số 35/2003/NĐ-CP;
1.4. Đảm bảo công tác an toàn - vệ sinh lao động.	e) Bộ Luật Lao động 2012: Chương IX, khoản 1 điều 137, điều 138 Luật lao động 10/2012/QH13
2. Nguồn gốc gỗ đưa vào chế biến	
2.1. Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản do chủ cơ sở chế biến lập.	Điều 6, Điều 20 Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT
2.2. Hóa đơn bán hàng;	Điều 20 Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT; Điều 2 Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT.
2.3. Bảng kê lâm sản do chủ gỗ lập;	Điều 20 Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT;

Nguồn: Dự thảo 6 định nghĩa gỗ hợp pháp

8.2. Truy xuất nguồn gốc gỗ

Về nguồn gốc gỗ, các xưởng đều nhận thức được những yêu cầu về mặt giấy tờ chứng minh nguồn gốc gỗ đưa vào sản xuất trong xưởng.

Đối với gỗ rừng trồng, theo kết quả khảo sát, các hộ gia đình trồng rừng và cơ sở khai thác rừng đã tuân thủ các quy định của Bộ NN và PTNT (Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT và Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT). Một bộ hồ sơ đầy đủ giấy tờ hợp pháp đối với gỗ rừng trồng bao gồm: Đơn xin xin thu mua, vận chuyển có xác nhận của UBND xã, bảng kê lâm sản và biên bản kiểm kê lâm sản có xác nhận của cán bộ kiểm lâm.

Tính pháp lý của gỗ nguyên liệu đầu vào được kiểm tra tại xưởng theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT và Thông tư 42/2012/TT-BNNPTNT của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn. Cán bộ kiểm lâm địa bàn kiểm tra tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu đầu vào còn UBND chỉ kiểm tra và xác nhận số lượng sản phẩm đầu ra để có cơ sở thu thuế. Hiện tại nguồn gốc và chủng loại gỗ của sản phẩm đầu ra tại xưởng xẻ chưa được xác nhận trong khi quá trình truy

nguyên bị đứt đoạn khi lóng gỗ tròn được đem vào xẻ vì chủ xưởng xẻ không thực hiện quy trình truy nguyên nguồn gốc gỗ. Mặc dù, chủ xưởng có lập sổ ghi chép khối lượng, chủng loại gỗ nguyên liệu nhập vào và sản phẩm bán ra, tuy nhiên việc giám sát và kiểm tra sổ ghi chép chưa được thực hiện. Như vậy, việc xác nhận nguồn gốc và cấp chứng chỉ rừng (như FSC) sẽ không có ý nghĩa khi nhiều loại gỗ cùng được vận hành qua xưởng xẻ.

8.3. Quy định môi trường trong xưởng xẻ

Theo dự thảo 6 về định nghĩa gỗ hợp pháp, các xưởng xẻ sẽ phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường theo Nghị Định số 29/2011/NĐ-CP. Các cơ sở này còn phải được UBND cấp huyện, cấp xã phê duyệt cam kết bảo vệ môi trường theo điều 29, 32, 33 của nghị định này. Hiện tại những cam kết này thường được các cơ sở chế biến hộ gia đình bỏ qua.

8.4. Sử dụng lao động và an toàn lao động

Đối với việc sử dụng lao động, hầu hết các xưởng xẻ đều không đảm bảo việc ký kết hợp đồng lao động theo Luật Lao Động. Công nhân không được hưởng các chế độ bảo hiểm, phúc lợi xã hội theo luật quy định. Do vậy, các xưởng xẻ cần phải khắc phục vấn đề sử dụng lao động để có thể đáp ứng các quy định trong Luật Lao Động năm 2012, khoản 1 điều 137 và điều 138 của Luật Lao Động sửa đổi (có hiệu lực từ ngày 1/5/2013).

Điều kiện an toàn lao động không đảm bảo. Máy móc thiết bị trong các xưởng xẻ hộ gia đình không đảm bảo an toàn lao động. Các xưởng cũng không có những hướng dẫn cần thiết cho công nhân về cách vận hành an toàn. Tại nhiều xưởng, máy cưa vòng nằm vẫn được vận hành để xẻ gỗ trong tình trạng có thể gây rủi ro cho công nhân trong xưởng. Hệ thống điện tại các xưởng xẻ chưa đảm bảo, dễ gây cháy nổ, ảnh hưởng đến an toàn lao động. Theo dự thảo 6, ngoài các quy định trong Luật Lao Động, các xưởng xẻ còn phải tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ theo điều 9, 16 và 17 của Nghị Định 35/2003/NĐ-CP.

9. Kết luận và kiến nghị

Mặc dù xưởng xẻ hộ gia đình có nhiều đóng góp tích cực cho kinh tế, xã hội và môi trường, nhưng trong quá trình quản lý và vận hành, các xưởng không tuân thủ quy trình truy xuất nguồn gốc gỗ, không đảm bảo an toàn lao động và không tuân thủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy. Hơn nữa, các xưởng thường không có hóa đơn thuế GTGT cho sản phẩm bán ra. Các xưởng xẻ hộ gia đình, do vậy, chưa thể đáp ứng các yêu cầu quy định trong dự thảo 6 về định nghĩa gỗ hợp pháp phục vụ hiệp định Đối Tác Tự Nguyên (VPA) theo chương trình Tăng Cường Thực Thi Luật Lâm Nghiệp, Quản Trị Rừng và Thương Mại Gỗ (FLEGT) của Liên minh Châu Âu.

Để có thể đáp ứng được những yêu cầu mới về gỗ hợp pháp, các xưởng xẻ hộ gia đình phải đăng ký hóa đơn thuế tại Huyện. Để giảm bớt thủ tục hành chính, các xưởng có thể hợp tác thành các nhóm xưởng xẻ và đăng ký dưới hình thức doanh nghiệp (công ty cổ phần hoặc công ty hợp danh) hoặc hợp tác xã.

Để khắc phục vấn đề truy xuất nguồn gốc nguyên liệu trong xưởng xẻ, các chủ xưởng cần được tập huấn về kỹ năng truy nguyên nguồn gốc gỗ. Ngoài ra, chủ xưởng xẻ và công nhân trong xưởng cần phải được tập huấn về các kiến thức phòng cháy, chữa cháy và an toàn lao động để đảm bảo an toàn cho người lao động trong xưởng.

Đối với gỗ rừng trồng, Trạm Kiểm Lâm và UBND Xã không chỉ xác nhận gỗ nguyên liệu đầu vào mà cần phải xác nhận nguồn gốc, số lượng và chủng loại của sản phẩm đầu ra tại các xưởng xẻ để các cơ sở chế biến khác có thể truy xuất nguồn gốc và chất lượng nguyên liệu cho sản phẩm của mình. Cán bộ kiểm lâm nên phối hợp với UBND Xã để xây dựng hệ thống giám sát sổ ghi chép khối lượng, chủng loại gỗ nhập vào và xuất ra tại các xưởng xẻ. Thông qua đó xác nhận gỗ nguyên liệu đầu vào và sản phẩm gỗ đầu ra tại các xưởng.

Trước khi ký kết hiệp định VPA, các xưởng xẻ cần phải được thông báo, hướng dẫn và chuẩn bị để có thể tuân thủ các quy định trong định nghĩa gỗ hợp pháp và hệ thống TLAS.

Ngoài ra, một số giải pháp sau có thể được thực hiện để hỗ trợ các xưởng xẻ hộ gia đình

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn kiểm tra tính hợp pháp của gỗ để nâng cao trách nhiệm xã hội và hỗ trợ các xưởng xẻ xác minh được hành trình của gỗ nguyên liệu. Những tài liệu này phải đơn giản, dễ hiểu và phù hợp với trình độ của chủ xưởng cũng như công nhân làm việc trong xưởng xẻ.
- Thành lập các nhóm hộ trồng rừng, nhóm hộ xưởng xẻ và nhóm hộ chế biến để có thể cấp chứng chỉ/chứng nhận theo nhóm.

Liên kết các hộ trồng rừng, xưởng xẻ hộ gia đình với những công ty chế biến quy mô lớn, để xây dựng chuỗi hành trình liên tục đáp ứng tiêu chuẩn FSC, giúp các bên liên quan trong chuỗi cung ứng thực hiện tốt trách nhiệm giải trình. Những công ty chế biến sẽ đóng vai trò quản lý, hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong quá trình cấp chứng chỉ cho các nhóm hộ và nhóm xưởng xẻ.

Tài liệu tham khảo

Bộ NN và PTNT. 2012. Dự thảo 6: Định nghĩa gỗ hợp pháp - Hiệp Định Đối Tác Tự Nguyện (VPA)

Bộ NN và PTNT. 2012. Quyết định số 2089 /QĐ-BNN-TCLN ngày 30/8/2012

Cục Xuất Nhập Khẩu- Bộ Công Thương. 2012. Tình hình và cơ chế xuất nhập khẩu gỗ của Việt Nam. Bài tham luận tại Hội thảo giao thương quốc tế giữa các doanh nghiệp Việt Nam và ATIBT. 23/10/2012.

Đào Xuân Quang, 2012, Báo cáo tổng kết công tác quản lý, bảo vệ rừng năm 2012, nhiệm vụ và giải pháp năm 2013, Hạt Kiểm Lâm Trấn Yên, tỉnh Yên Bái

Đình Vũ, 2012, Tín hiệu vui từ làng nghề mộc Vân Du, Phú Thọ online: <http://baophutho.vn/kinh-te/201203/Tin-hieu-vui-tu-lang-nghe-moc-Van-du-2156153/>

Huỳnh Văn Hạnh. Ngành chế biến gỗ Việt Nam và các cơ hội cho ATIBT. Hội thảo giao thương quốc tế giữa các doanh nghiệp Việt Nam và ATIBT. 23/10/2012.

Phạm Duy Cường. 2012. Quyết định số 1548/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển chế biến gỗ rừng trồng tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011-2020, định hướng đến 2025, UBND tỉnh Yên Bái

Phùng Văn Vinh. 2012. Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá thực trạng các cơ sở chế biến lâm sản trên địa bàn tỉnh. Chi Cục Lâm Nghiệp. tỉnh Phú Thọ.

Nguyễn Tôn Quyền, Trịnh Vĩ, Huỳnh Thạch, Vũ Bảo. 2006. Cẩm Nang ngành lâm nghiệp. Chương: Công nghiệp chế biến gỗ ở Việt Nam. Chương Trình Hỗ Trợ Ngành Lâm Nghiệp - Bộ NN và PTNT.

Nguyễn Tôn Quyền, Trần Hữu Nghị. 2011. How Vietnam is prepared to meet legal requirements timber export markets. Tropenbos International Vietnam, Hue City, Vietnam.

NewForests. 2010. Vietnam: A Forestry Investment Opportunity, Market Outlook

Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Bình. 2012. Báo cáo rà soát tình hình mạng lưới cơ sở xẻ gỗ, đề xuất quy hoạch giai đoạn 2012-2015, Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Bình

Phụ lục

Định nghĩa và phân loại gỗ xẻ theo sản phẩm

Gỗ xẻ là sản phẩm thu được sau quá trình xẻ dọc thân gỗ tròn. Gỗ xẻ thông thường được chia thành 2 nhóm chính: gỗ xẻ ván và gỗ xẻ hộp, trong đó ván là gỗ xẻ có tối thiểu hai mặt xẻ dọc song song với nhau và có chiều rộng lớn hơn 3 lần chiều dày còn hộp là gỗ xẻ có tối thiểu hai mặt song song với nhau và có chiều rộng nhỏ hơn 3 lần chiều dày (Nguyễn Tôn Quyền et al., 2006). Mỗi nhóm được chia thành các loại khác nhau theo độ dày và tiết diện theo bảng dưới đây.

Bảng phân loại gỗ xẻ

STT	Ván	Chiều dày (mm)	STT	Hộp	Tiết diện (cm ²)
1	Mỏng	< 19	1	Nhỏ (thanh)	< 54
2	Vừa	19-35	2	Vừa	55-100
3	Dày	36-65	3	Lớn	101-225
4	Rất dày	> 65	4	Rất lớn	225

Nguồn: Nguyễn Tôn Quyền et al., 2006

Quy trình xẻ cùng với những yêu cầu về máy móc đi kèm

TT	Các công đoạn trong quá trình xẻ	Máy	Chi phí đầu tư trung bình của các xưởng xẻ nhỏ (khi mua mới)
1	Cắt khúc	Cưa xăng (hay còn gọi là cưa xích, cưa lóc) 	5 – 10 triệu VND (tùy loại chất lượng và hãng sản xuất)
2	Xẻ ván (xẻ phá) theo quy cách	Cưa vòng nằm 	35-50 triệu VND (tùy loại)
3	Xẻ tận dụng	Cưa đĩa (cưa mâm): Chủ yếu là máy tạt chế 	5-10 triệu VND

Cơ cấu nhóm gỗ trong thiết kế khai thác tại Kon Tum và Quảng Bình

Nhóm gỗ	Lâm trường Đăk Tô – Cty LN Đăk Tô			Lâm trường Trường Sơn – Long Đại		
	Số cây (cây)	Sản Lượng (m ³)	Tỷ lệ của từng nhóm (%)	Số cây (cây)	Sản Lượng (m ³)	Tỷ lệ của từng nhóm (%)
I	0	0	0	35	104	1,88
II	0	0	0	225	706	12,83
III	173	586	10,17	525	2.209	40,16
IV	927	3.179	55,16	113	310	5,64
V	270	912	15,82	548	1.236	22,48
VI	182	506	8,77	219	501	9,10
VII	212	556	9,65	129	276	5,02
VIII	11	23	0,41	62	159	2,89
	1.775	5.762	100	1.856	5.501	100

Nguồn: Thiết kế khai thác của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô 2012 và Thiết kế khai thác của lâm trường Trường Sơn – Công ty TNHH MTV Lâm Nông Công nghiệp Long Đại 2012

Giá bán gỗ rừng tự nhiên

Giá bán gỗ tròn của công ty lâm nghiệp và giá gỗ tròn tại các xưởng xẻ

Loài gỗ	Nhóm	Mô tả về lóng gỗ	Giá gỗ tròn (VND/m ³)	
			Tại công ty lâm nghiệp (*)	Giá TB tại các xưởng xẻ
Công ty TNHH MTV LCN Quảng Bình				
Sến	II	50 ≤ Ø < 60 cm hoặc 157 ≤ Vành < 188	9.130.000	10.000.000
Huỳnh	III	50 ≤ Ø < 60 cm hoặc 157 ≤ Vành < 188	7.370.000	11.000.000
Chủa	V	50 ≤ Ø < 60 cm hoặc 157 ≤ Vành < 188	6.050.000	8.000.000
Bộp	VIII	50 ≤ Ø < 60 cm hoặc 157 ≤ Vành < 188	3.960.000	4.600.000
Công ty TNHH MTV LN Đăk Tô				
Dổi	III	60 ≤ Ø ≤ 80 cm, Dài < 10 m, chất lượng B theo tiêu chuẩn TCVN1074-86	9.000.000	11.000.000
Cóc Đá	IV	60 ≤ Ø ≤ 80 cm, Dài < 10 m, chất lượng B theo tiêu chuẩn TCVN1074-86	4.500.000	5.312.500
Chò xốt	V	60 ≤ Ø ≤ 80 cm, Dài < 10 m, chất lượng B theo tiêu chuẩn TCVN1074-86	3.800.000	5.000.000

Nguồn: (*) Công ty TNHH MTV LCN Long Đại và Công ty TNHH MTV LN Đăk Tô

Giá gỗ nhập khẩu và giá gỗ hộp tại các xưởng xẻ ở Ngọc Hồi, Kon Tum

Loài gỗ	Nhóm	Giá gỗ hộp xẻ (VND/m ³)		Tỷ lệ gia tăng (%)
		Giá tại đơn vị nhập khẩu	Giá TB tại các xưởng xẻ	
Gỗ	I	6.187.255	12.000.000	94
Giổi	III	7.657.221	11.000.000	44
Sao Cát	III	3.952.596	7.000.000	77

Nguồn: (Hải quan Gia Lai Kon Tum 2012)

Giá gỗ nhập khẩu và giá gỗ hộp tại các xưởng xẻ ở Bồ Trạch, Quảng Bình

Loài gỗ	Nhóm	Giá gỗ tròn (VND/m ³)			Tỷ lệ gia tăng (%)
		Giá tại đơn vị nhập	Giá nhập và giá vận chuyên	Giá TB tại các xưởng xẻ	
Sến	II	4.318.455	5.018.455	10.000.000	115
Huỳnh	III	3.200.000	3.900.000	11.000.000	243
Kiền kiên	VIII	4.073.894	4.773.894	14.000.000	243

Nguồn: (Hải quan Gia Lai Kon Tum 2012)

Trách nhiệm của các bên liên quan đối với xưởng xẻ quy mô nhỏ

Các lĩnh vực hoạt động	Sở Kế hoạch Đầu tư	Sở tài nguyên môi trường	Hải quan	Chi cục Thuế	Chi cục Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm	UBND huyện	Hạt Kiểm lâm	Phòng kinh tế huyện/phòng nông nghiệp huyện	Phòng Thuế huyện	UBND xã	Công ty lâm nghiệp Nhà nước/làm trường	Doanh nghiệp nhập khẩu gỗ	Đơn vị vận chuyển	Trung gian thương mại	Làng nghề	Cơ sở chế biến đồ mộc	Cơ sở chế biến mộc xây dựng, khác	Nhà cung cấp máy móc, thiết bị, dụng cụ	Các xưởng xẻ khác
Quy hoạch mạng lưới chế biến/xẻ				X		x			x		x									
Đăng ký kinh doanh	X								X											
Kiểm tra, xác minh nguồn gốc gỗ và số liệu xuất nhập tồn			x		X		X	X												
Thu thuế				X						X										
Kiểm tra điều kiện môi trường		x																		
Cung cấp gỗ nguyên liệu												X	X	X	X					
Bốc xếp, vận chuyển gỗ nguyên liệu và sản phẩm														X						
Mua sản phẩm đầu ra															X	X	X	X		X
Cung cấp máy móc, vật tư thiết bị																			X	
Cạnh tranh															X			X	X	X

X: chịu trách nhiệm chính hoạt động; x: tham gia hoạt động